

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Mai Hương
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Hoà Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**TÊN ĐỀ TÀI KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP
HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ISEA**

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Thị Mai Hương
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Hoà Thị Thanh Hương**

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Trần Thị Mai Hương Mã SV: 1212401136

Lớp : QT1601K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài : Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác lập và phân tích BCDKT trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.
 - ✓ Tìm hiểu thực tế công tác lập và phân tích BCDKT tại đơn vị thực tập.
 - ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác lập và phân tích BCDKT nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- ✓ **Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác lập và phân tích BCDKT năm 2015 tại Công ty Cổ phần ISEA**

.....
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần ISEA

.....
.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Hoà Thị Thanh Hương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 10 tháng 10 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Trần Thị Mai Hương

ThS. Hoà Thị Thanh Hương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- ✓ Tích cực sưu tầm lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ đề tài;
- ✓ Ham học hỏi, thường xuyên trao đổi với giáo viên hướng dẫn;
- ✓ Đảm bảo tiến độ của đề tài theo thời gian đã qui định;
- ✓ Có khả năng nghiên cứu độc lập.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- ✓ Khóa luận tốt nghiệp bố cục hợp lý, khoa học;
- ✓ Đã khái quát hoá được lý luận về công tác lập và phân tích BCĐKT theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC; sửa đổi, bổ sung theo thông tư 138/2011/TT-BTC;
- ✓ Nắm bắt, đánh giá được tình hình chung của đơn vị thực tập;
- ✓ Phản ánh được qui trình lập và phân tích BCĐKT tại đơn vị thực tập với số liệu logic, phong phú;
- ✓ Đã đánh giá được ưu nhược điểm cơ bản trong công tác kế toán tại đơn vị thực tập trên cơ sở đó tác giả đã đề xuất được một số biện pháp phù hợp giúp đơn vị hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như công tác lập, phân tích BCĐKT nói riêng.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....**điểm**.....

Hải Phòng, ngày 27 tháng 10 năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

ThS. Hoà Thị Thanh Hương

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA	3
1.1: Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa	3
1.1.1: Báo cáo tài chính và sự cần thiết của Báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế	3
1.1.1.1: Khái niệm Báo cáo tài chính	3
1.1.1.2: Sự cần thiết của Báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế	3
1.1.2: Mục đích và vai trò của Báo cáo tài chính	4
1.1.2.1: Mục đích của Báo cáo tài chính	4
1.1.2.2: Vai trò của Báo cáo tài chính	4
1.1.3: Đối tượng áp dụng Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp	5
1.1.4: Yêu cầu lập và trình bày Báo cáo tài chính	6
1.1.5: Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính	6
1.1.6: Hệ thống Báo cáo tài chính theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	8
1.1.6.1: Nội dung hệ thống Báo cáo tài chính	8
1.1.6.2: Trách nhiệm, thời hạn lập và gửi Báo cáo tài chính	9
1.1.6.3: Kỳ lập Báo cáo tài chính	9
1.1.6.4: Công khai Báo cáo tài chính	9
1.1.6.5: Nơi nhận Báo cáo tài chính năm	10
1.2: Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DNN) và phương pháp lập Bảng cân đối kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa	10
1.2.1: Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DNN) và kết cấu của Bảng cân đối kế toán theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 138/2009/TT-BTC	10
1.2.1.1: Khái niệm Bảng cân đối kế toán	10
1.2.1.2: Tác dụng của Bảng cân đối kế toán	10
1.2.1.3: Nguyên tắc lập và trình bày Bảng cân đối kế toán	11

1.2.1.4: Kết cấu và nội dung của Bảng cân đối kế toán theo mẫu B01-DNN	11
1.2.1.5: Cơ sở số liệu, quy trình lập Bảng cân đối kế toán theo mẫu số B01-DNN	17
1.2.1.6: Phương pháp lập Bảng cân đối kế toán theo mẫu số B01-DNN	18
1.3. Phân tích Bảng cân đối kế toán	26
1.3.1: Sự cần thiết phân tích Bảng cân đối kế toán	26
1.3.2: Nhiệm vụ phân tích Bảng cân đối kế toán	27
1.3.3: Phương pháp phân tích Bảng cân đối kế toán.....	27
1.3.4: Nội dung của phân tích Bảng cân đối kế toán	28
1.3.4.1: Đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu cụ thể trên Bảng cân đối kế toán	28
1.3.4.2: Đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua khả năng thanh toán	30
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ISEA	32
2.1: Giới thiệu về công ty Cổ phần ISEA	32
2.1.1: Giới thiệu chung về công ty Cổ phần ISEA	32
2.1.2: Các hoạt động kinh doanh và sản phẩm của công ty Cổ phần ISEA	33
2.1.2.1: Các hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần ISEA.....	33
2.1.2.2 Các sản phẩm chính của Công ty Cổ phần ISEA.....	34
2.1.3: Những thuận lợi, khó khăn của công ty Cổ phần ISEA trong quá trình hoạt động	35
2.1.3.1: Thuận lợi của công ty.....	35
2.1.3.2: Khó khăn của công ty.....	35
2.1.4: Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy tại Công ty Cổ phần ISEA.....	36
2.1.5: Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty Cổ phần ISEA.....	37
2.1.5.1: Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	37
2.1.5.2: Hình thức ghi sổ kế toán, chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty	39
2.2: Thực trạng công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA	41
2.2.1:Thực trạng công tác lập Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần ISEA	41
2.2.1.1: Căn cứ lập Bảng cân đối kế toán tại công ty.....	41
2.2.1.2: Quy trình lập Bảng cân đối kế toán tại công ty	41
2.2.1.3: Nội dung lập Bảng cân đối kế toán tại công ty	41

2.2.2: Thực trạng công tác phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA	67
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ISEA	68
3.1: Một số định hướng phát triển của công ty Cổ phần ISEA trong thời gian tới	68
3.2: Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập, phân tích Bảng cân đối kế toán nói riêng tại công ty Cổ phần ISEA	68
3.2.1: Ưu điểm trong công tác kế toán và công tác lập, phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA.....	68
3.2.2: Hạn chế trong công tác kế toán và công tác lập, phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA.....	70
3.3. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác lập, phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA.....	70
3.4: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA.....	71
3.4.1: Ý kiến đề xuất thứ nhất: Công ty nên nâng cao trình độ, kỹ năng cho các kế toán viên.	71
3.4.2: Ý kiến đề xuất thứ hai: Công ty nên tổ chức công tác phân tích Bảng cân đối kế toán	72
3.4.2.1: Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản tại công ty.....	74
3.4.2.2 Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn tại công ty	77
3.4.2.3 Phân tích khả năng thanh toán tại công ty	79
3.4.3: Ý kiến đề xuất thứ ba: Công ty nên đẩy mạnh công tác thu hồi nợ phải thu khách hàng.....	80
KẾT LUẬN	82
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	83

DANH MỤC HỆ THỐNG BẢNG BIỂU

Biểu 1.1: Kết cấu Bảng cân đối kế toán theo Quyết định 48/2006/QĐ–BTC sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 138/2009/TT–BTC	15
Biểu số 1.2: Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản	29
Biểu số 1.3: Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn.....	30
Biểu 2.1: Phiếu thu 002	43
Biểu 2.2: Trích trang Sổ Nhật ký chung	45
Biểu 2.3: Trích trang Sổ cái tài khoản 111	48
Biểu 2.4: Trích trang Sổ cái tài khoản 112	49
Biểu 2.5: Trích trang Sổ quỹ Tiền mặt	50
Biểu 2.6: Trích trang Sổ cái tài khoản 131	53
Biểu 2.7: Trích trang Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua.....	54
Biểu 2.8: Trích trang Sổ cái tài khoản 331	55
Biểu 2.9: Trích trang Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người bán.....	56
Biểu 2.10: Bảng cân đối số phát sinh của công ty Cổ phần ISEA năm 2015	61
Biểu 2.11: Bảng cân đối kế toán của công ty Cổ phần ISEA năm 2015	65
Biểu 3.1: Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản tại công ty cổ phần ISEA	75
Biểu 3.2: Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn tại công ty cổ phần ISEA	78
Biểu 3.3: Bảng phân tích khả năng thanh toán tại công ty Cổ phần ISEA	79

DANH MỤC SƠ ĐỒ VÀ HÌNH ẢNH

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lí tại công ty Cổ phần ISEA.....	36
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần ISEA	38
Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ kế toán máy tại công ty Cổ phần ISEA	40
Sơ đồ 2.4: Các bút toán kết chuyển trung gian tại Công ty Cổ phần ISEA.....	59
Hình 2.1: Giao diện phần mềm kế toán 3Tsoft được sử dụng tại công ty Cổ phần ISEA	40
Hình 2.2 Giao diện chọn Sổ Nhật ký chung trên phần mềm 3T Soft	44
Hình 2.3 Giao diện chọn thời gian trên Sổ Nhật ký chung	44
Hình 2.4 Giao diện chọn Sổ cái tài khoản trên phần mềm 3T Soft	46
Hình 2.5 Giao diện chọn TK và thời gian trên Sổ cái tài khoản.....	47
Hình 2.6: Giao diện chọn Báo cáo tổng hợp tài khoản	52
Hình 2.7 Giao diện chọn bút toán khoá sổ trên phần mềm 3T Soft.....	57
Hình 2.8 Giao diện Bút toán khoá sổ để chọn các mục kết chuyển.....	58
Hình 2.9 Giao diện chọn BCĐSPS trên phần mềm 3T Soft	60
Hình 2.10 Giao diện chọn thời gian trên BCĐSPS	60
Hình 2.11 Giao diện chọn BCĐKT trên phần mềm 3T Soft	63
Hình 2.12 Giao diện chọn thời gian trên BCĐKT	64

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Nội dung	Từ viết tắt
1	Báo cáo tài chính	BCTC
2	Trách nhiệm hữu hạn	TNHH
3	Quyết định	QĐ
4	Thông tư	TT
5	Bộ Tài chính	BTC
6	Phiếu thu	PT
7	Phiếu chi	PC
8	Báo Nợ	BN
9	Báo Có	BC
10	Vietcombank	VCB
11	Tài khoản	TK
12	Tài sản cố định	TSCĐ
13	Bảng cân đối kế toán	BCĐKT
14	Bảng cân đối số phát sinh	BCĐSPS
15	Bán hàng	BH
16	Tài khoản đối ứng	TK ĐƯ

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày nay công tác kế toán đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quản lý kinh tế, nó đã trở thành một công cụ đắc lực không thể thiếu được để nâng cao chất lượng quản lý kinh tế và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kế toán giúp cho các doanh nghiệp, các cổ đông, các nhà quản lý thấy rõ được thực chất quá trình sản xuất kinh doanh bằng những số liệu chính xác, cụ thể, khách quan và khoa học. Là cơ sở để đưa ra những đánh giá và hướng đi cho doanh nghiệp. Nếu thông tin kế toán bị sai lệch, các quyết định của chủ doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng rất lớn, từ đó gây ra tình trạng khó khăn cho doanh nghiệp.

Trong đó, Bảng cân đối kế toán đóng vai trò hết sức quan trọng đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào, không chỉ cung cấp khái quát tình hình tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp cho các nhà quản trị, mà còn là căn cứ đáng tin cậy để các nhà đầu tư xem xét khi muốn hợp tác với doanh nghiệp.

Qua quá trình thực tập tại công ty Cổ phần ISEA em nhận thấy việc phân tích Bảng cân đối kế toán của công ty còn hạn chế: Công ty mới chỉ dừng lại ở việc lập Bảng cân đối kế toán mà không tiến hành việc phân tích Bảng cân đối kế toán, nên công tác kế toán tại công ty Cổ phần ISEA chưa cung cấp được đầy đủ thông tin phục vụ hoạt động quản lý tài chính dẫn đến nhà quản lý chưa đưa ra được các quyết định quản trị kịp thời, đúng đắn.

Kết hợp giữa lý luận được tiếp thu tại nhà trường và qua quá trình thực tập tại công ty em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA”*** làm đề tài khóa luận của mình. Ngoài lời nói đầu và kết luận, khóa luận của em được chia làm 3 chương như sau:

Chương 1: Lý luận cơ bản về công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương 2: Thực trạng công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA.

Bài khóa luận của em nhận được sự hướng dẫn, chỉ dạy tận tình của giảng viên hướng dẫn **ThS. Hòa Thị Thanh Hương** cùng sự hỗ trợ nhiệt tình của Ban lãnh đạo và các chị Phòng Kế toán tại công ty Cổ phần ISEA. Tuy nhiên, do trình độ lý luận cũng như kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên không thể tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được những ý kiến chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2016

Sinh viên thực hiện

Trần Thị Mai Hương

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1: Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.1.1: Báo cáo tài chính và sự cần thiết của Báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế

1.1.1.1: Khái niệm Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính (BCTC) là báo cáo tổng hợp nhất về tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, là nguồn cung cấp thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và nhu cầu của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế của mình.

Theo quy định hiện nay thì hệ thống Báo cáo tài chính doanh nghiệp của Việt Nam bao gồm 4 loại sau:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính

1.1.1.2: Sự cần thiết của Báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế

Căn cứ vào các thông tin đáng tin cậy trên Báo cáo tài chính, các nhà quản trị có thể thấy được các điều kiện hiện tại, những dự đoán về tương lai và dựa trên những thông tin liên quan đến quá khứ và kết quả kinh doanh được cung cấp trên Báo cáo tài chính của doanh nghiệp các nhà quản trị có thể đưa ra được các quyết định kinh doanh chính xác cho tình hình tài chính của doanh nghiệp trong kỳ kinh doanh hiện tại cũng như các kỳ kinh doanh trong tương lai.

Đối với bản thân doanh nghiệp, nếu không thiết lập hệ thống Báo cáo tài chính thì khi phân tích tình hình tài chính kế toán hoặc tình hình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, các nhà đầu tư, chủ nợ, khách hàng... sẽ không có cơ sở để biết tình hình tài chính của doanh nghiệp cho nên họ sẽ khó có thể đưa ra các quyết định hợp tác kinh doanh và nếu có thì các quyết định sẽ có mức độ rủi ro cao và không chắc chắn về lợi nhuận mang lại cho việc đầu tư.

Đối với nhà nước, khi không có hệ thống Báo cáo tài chính nhà nước sẽ không thể quản lý được hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, các ngành, các thành phần kinh tế... hoặc công việc quản lý rất khó khăn, tốn kém và độ chính xác không cao do mỗi chu kỳ kinh doanh của mỗi doanh nghiệp bao gồm rất nhiều các nghiệp vụ kinh tế và có rất nhiều các hóa đơn, chứng từ. Chính vì vậy, dựa vào hệ thống Báo cáo tài chính nhà nước có thể quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế một cách dễ dàng và chính xác hơn nhất là khi nền kinh tế nước ta là nền kinh tế thị trường có sự quản lý vĩ mô của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Do đó, hệ thống Báo cáo tài chính là rất cần thiết đối với mỗi nền kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế thị trường hiện nay ở nước ta.

1.1.2: Mục đích và vai trò của Báo cáo tài chính

1.1.2.1: Mục đích của Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính phản ánh theo một cấu trúc chặt chẽ tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp. Mục đích của Báo cáo tài chính là cung cấp các thông tin chính xác đáng tin cậy về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, cho các đối tượng quan tâm để đưa ra các quyết định đúng đắn. Cụ thể, mục đích của BCTC là:

- Tổng hợp và trình bày một cách tổng quát, toàn diện tình hình tài sản, nguồn vốn hình thành tài sản của doanh nghiệp, tình hình và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong một năm tài chính.

- Cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu cho việc đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp trong năm tài chính đã qua và những dự đoán trong tương lai. Thông tin của Báo cáo tài chính là căn cứ quan trọng cho việc đề ra những quyết định về quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư vào các doanh nghiệp của các chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, các nhà đầu tư, các chủ nợ hiện tại và tương lai của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu quản lý vĩ mô của Nhà nước.

1.1.2.2: Vai trò của Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính có ý nghĩa quan trọng trong lĩnh vực quản lý kinh tế, thu hút sự quan tâm của nhiều đối tượng ở bên trong cũng như bên ngoài doanh nghiệp. Do đó, phụ thuộc vào mục đích mà mỗi đối tượng lại có một sự quan tâm khác nhau tới Báo cáo tài chính của doanh nghiệp, song nhìn chung đều

nhằm có được những thông tin cần thiết cho việc ra các quyết định phù hợp với mục tiêu của mình.

- *Với nhà quản lý doanh nghiệp:* Báo cáo tài chính cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình tài sản, nguồn hình thành tài sản cũng như tình hình và kết quả kinh doanh sau một kỳ hoạt động của doanh nghiệp từ đó các nhà quản lý sẽ phân tích đánh giá và đề ra được các giải pháp, quyết định quản lý kịp thời, phù hợp cho sự phát triển của doanh nghiệp trong tương lai.

- *Với các cơ quan hữu quan của nhà nước như tài chính, kiểm toán, thuế...:*

+ Báo cáo tài chính là tài liệu quan trọng trong việc kiểm tra giám sát, hướng dẫn, tư vấn cho doanh nghiệp thực hiện các chính sách, chế độ kinh tế tài chính của doanh nghiệp.

+ Là căn cứ, cơ sở để tính thuế và các khoản phải nộp nhà nước, nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Ngân sách của nhà nước.

- *Với các nhà đầu tư, các nhà cho vay:* Báo cáo tài chính giúp họ nhận biết khả năng về tài chính, tình hình sử dụng các loại tài sản, nguồn vốn, khả năng sinh lời, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, mức độ rủi ro... của doanh nghiệp để họ cân nhắc, lựa chọn và đưa ra quyết định phù hợp.

- *Với nhà cung cấp:* Báo cáo tài chính giúp họ nhận biết khả năng thanh toán, phương thức thanh toán, để từ đó họ quyết định bán hàng cho doanh nghiệp nữa hay thôi, hoặc cần áp dụng phương thức thanh toán như thế nào cho hợp lý.

- *Với khách hàng:* Báo cáo tài chính giúp cho họ có những thông tin về khả năng, năng lực sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, mức độ uy tín của doanh nghiệp, chính sách đãi ngộ khách hàng... để họ có quyết định đúng đắn trong việc mua hàng của doanh nghiệp.

- *Với cổ đông, người lao động:* Họ quan tâm đến thông tin về khả năng cũng như chính sách chi trả cổ tức, tiền lương, bảo hiểm xã hội, và các vấn đề khác liên quan đến lợi ích của họ thể hiện trên Báo cáo tài chính.

1.1.3: Đối tượng áp dụng Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp

- “Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa” áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong cả nước, bao gồm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn, công ty Cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân và hợp tác xã.

- “Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa” không áp dụng cho Doanh nghiệp nhà nước, công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên, công ty Cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán, hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã tín dụng.

- Các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực đặc thù như: Điện lực, dầu khí, bảo hiểm, chứng khoán... được áp dụng chế độ kế toán đặc thù do Bộ Tài chính ban hành hoặc chấp thuận cho ngành ban hành.

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa là công ty con thực hiện chế độ kế toán theo quy định của công ty mẹ.

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa áp dụng chế độ kế toán này nếu có nhu cầu sửa đổi, bổ sung thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính trước khi thực hiện.

1.1.4: Yêu cầu lập và trình bày Báo cáo tài chính

Tại chuẩn mực kế toán số 21 – “Trình bày Báo cáo tài chính”, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phải tuân thủ theo các yêu cầu quy định, bao gồm:

- ✓ Trình bày trung thực, tuân thủ tình hình tài chính, tình hình kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- ✓ Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và các sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng.
- ✓ Trình bày khách quan, không thiên vị.
- ✓ Tuân thủ nguyên tắc thận trọng.
- ✓ Trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu.

Việc lập Báo cáo tài chính phải căn cứ vào số liệu sau khi khóa sổ kế toán. Báo cáo tài chính phải được lập đúng nội dung, phương pháp trình bày nhất quán giữa các chu kỳ kế toán. Báo cáo tài chính phải được người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán ký, đóng dấu của đơn vị.

1.1.5: Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Theo chuẩn mực kế toán số 21 – “Trình bày Báo cáo tài chính”, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phải tuân thủ theo 6 nguyên tắc quy định, gồm:

(1). Hoạt động liên tục:

Khi lập và phân tích Báo cáo tài chính, Giám đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp cần phải đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Báo cáo tài chính cần được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động bình thường trong tương lai gần.

Để đánh giá khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp, Giám đốc (hoặc người đứng đầu) cần phải xem xét đến mọi thông tin có thể dự đoán được, tối thiểu trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.

(2). Cơ sở dồn tích:

Doanh nghiệp phải lập Báo cáo tài chính theo cơ sở kế toán dồn tích, ngoại trừ các hoạt động liên quan đến các luồng tiền.

Theo cơ sở kế toán dồn tích, các giao dịch và sự kiện được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực thu, thực chi tiền và được ghi nhận vào các sổ kế toán và Báo cáo tài chính của các kỳ kế toán có liên quan. Các khoản chi phí được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và chi phí.

Tuy nhiên việc áp dụng các nguyên tắc phù hợp không cho phép ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán những khoản mục không thỏa mãn các định nghĩa về Tài sản hoặc Nợ phải trả.

(3). Nhất quán:

Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong Báo cáo tài chính phải nhất quán từ niên độ này sang niên độ khác.

Doanh nghiệp có thể trình bày Báo cáo tài chính theo một cách khác khi mua sắm hoặc thanh lý lớn các tài sản, hoặc khi xem xét lại cách trình bày Báo cáo tài chính. Việc thay đổi Báo cáo tài chính chỉ được thực hiện khi cấu trúc trình bày mới được duy trì lâu dài trong tương lai hoặc lợi ích của cách trình bày mới được duy trì rõ ràng. Khi có thay đổi thì doanh nghiệp phải phân loại lại các thông tin mang tính so sánh được cho phù hợp với các quy định trong chuẩn mực kế toán và phải giải trình lý do, ảnh hưởng của phần thay đổi đó trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

(4). Trọng yếu và tập hợp:

Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong báo cáo tài chính. Các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng.

Tính trọng yếu phụ thuộc vào quy mô và tính chất các khoản mục được đánh giá trong các tình huống cụ thể.

(5). Bù trừ:

Các khoản mục Tài sản và Nợ phải trả trình bày trên Báo cáo tài chính không được bù trừ, trừ khi một chuẩn mực kế toán khác quy định hoặc cho phép bù trừ.

Các khoản mục doanh thu, thu nhập khác, chi phí chỉ được bù trừ khi:

+ Được quy định tại một chuẩn mực kế toán khác.

+ Các khoản lãi, lỗ và các chi phí liên quan phát sinh từ các giao dịch và các sự kiện giống nhau hoặc tương tự không có tính trọng yếu.

Các tài sản, nợ phải trả, các khoản thu nhập và chi phí có tính trọng yếu phải được báo cáo riêng biệt.

Việc bù trừ các số liệu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc Bảng cân đối kế toán, ngoại trừ việc bù trừ này phản ánh bản chất giao dịch hoặc sự kiện, sẽ không cho phép người sử dụng hiểu được các giao dịch hoặc sự kiện được thực hiện và dự tính được các luồng tiền trong tương lai của doanh nghiệp. Các khoản lãi, lỗ phát sinh từ một nhóm các giao dịch tương tự sẽ được hạch toán theo giá trị thuần. (Ví dụ: Các khoản lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá, lãi, lỗ phát sinh từ mua, bán còn cụ tài chính vì mục đích thương mại).

(6). Có thể so sánh được:

Các thông tin, số liệu trong Báo cáo tài chính nhằm để so sánh giữa các kỳ kế toán phải được trình bày tương ứng với các thông tin bằng số liệu trong Báo cáo tài chính của kỳ trước.

Các thông tin so sánh cần bao gồm các thông tin diễn giải bằng lời nếu điều này là cần thiết giúp cho những người sử dụng hiểu rõ được Báo cáo tài chính của kỳ hiện tại.

1.1.6: Hệ thống Báo cáo tài chính theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

1.1.6.1: Nội dung hệ thống Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

- | | |
|--|------------------|
| ✓ Bảng cân đối tài khoản | Mẫu số F01 - DNN |
| ✓ Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B01 - DNN |
| ✓ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02 - DNN |
| ✓ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03 - DNN |
| ✓ Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | Mẫu số B09 - DNN |

Ngoài ra, để phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp có thể lập thêm các BCTC chi tiết khác.

Nội dung, phương pháp tính toán, cách trình bày các chỉ tiêu trong từng báo cáo quy định trong chế độ này được áp dụng thống nhất cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc đối tượng áp dụng hệ thống BCTC này.

Trong quá trình áp dụng, nếu thấy cần thiết, các doanh nghiệp có thể bổ sung các chỉ tiêu cho phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Trường hợp có sửa đổi thì phải được Bộ Tài chính chấp nhận bằng văn bản trước khi thực hiện.

1.1.6.2: Trách nhiệm, thời hạn lập và gửi Báo cáo tài chính

- Tất cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc đối tượng áp dụng hệ thống Báo cáo tài chính này phải lập và gửi Báo cáo tài chính năm theo đúng quy định của chế độ kế toán theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC.

- Đối với các công ty Trách nhiệm hữu hạn, công ty Cổ phần và các hợp tác xã thời hạn gửi Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- Đối với doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh, thời hạn gửi Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoài ra, các doanh nghiệp có thể lập BCTC hàng tháng, quý để phục vụ yêu cầu quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.6.3: Kỳ lập Báo cáo tài chính

Doanh nghiệp nhỏ và vừa phải lập và nộp Báo cáo tài chính cho các cơ quan Nhà nước theo kỳ kế toán năm. Kỳ kế toán năm là 12 tháng, tính từ đầu ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 năm dương lịch. Đơn vị kế toán có đặc thù riêng về tổ chức, hoạt động được chọn kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn, bắt đầu từ đầu ngày 01 tháng đầu quý này đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý trước năm sau và thông báo cho cơ quan Thuế biết.

1.1.6.4: Công khai Báo cáo tài chính

❖ *Nội dung công khai Báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm:*

- ✓ Tình hình tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu
- ✓ Trích lập và sử dụng các quỹ
- ✓ Kết quả hoạt động kinh doanh
- ✓ Thu nhập của người lao động

❖ *Hình thức và thời hạn công khai Báo cáo tài chính:*

Việc công khai Báo cáo tài chính được thực hiện theo các hình thức:

- ✓ Phát hành ấn phẩm.
- ✓ Thông báo bằng văn bản.
- ✓ Niêm yết.
- ✓ Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh phải công khai Báo cáo tài chính năm trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm; đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khác thời hạn công khai báo cáo tài chính chậm nhất là 120 ngày.

1.1.6.5: Nơi nhận Báo cáo tài chính năm

Nơi nhận Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa như sau:

Loại hình doanh nghiệp	Nơi nhận Báo cáo tài chính		
	Cơ quan thuế	Cơ quan đăng ký kinh doanh	Cơ quan thống kê
Công ty TNHH, Công ty Cổ phần, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân	✓	✓	✓
Hợp tác xã	✓	✓	

1.2: Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DNN) và phương pháp lập Bảng cân đối kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.1: Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DNN) và kết cấu của Bảng cân đối kế toán theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 138/2009/TT-BTC

1.2.1.1: Khái niệm Bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán (BCĐKT) là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát toàn bộ giá trị tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản đó của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định.

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp theo cơ cấu tài sản, nguồn vốn hình thành các tài sản đó. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán có thể nhận xét, đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp.

1.2.1.2: Tác dụng của Bảng cân đối kế toán

- Cung cấp số liệu cho việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp
- Thông qua số liệu trên Bảng cân đối kế toán cho biết tình hình tài sản, nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp đến thời điểm lập báo cáo.
- Căn cứ báo Bảng cân đối kế toán có thể nhận xét, đánh giá khái quát chung tình hình tài chính của doanh nghiệp, cho phép đánh giá một số chỉ tiêu kinh tế, tài chính Nhà nước của doanh nghiệp.

- Thông qua số liệu trên Bảng cân đối kế toán có thể kiểm tra việc chấp hành các chế độ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

1.2.1.3: Nguyên tắc lập và trình bày Bảng cân đối kế toán

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 - “ Trình bày báo cáo tài chính” khi lập và trình bày Bảng cân đối kế toán phải tuân thủ các nguyên tắc chung về lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, trên Bảng cân đối kế toán, các khoản mục Tài sản và Nợ phải trả phải được trình bày riêng biệt thành ngắn hạn và dài hạn, tùy theo thời hạn của chu kỳ kinh doanh bình thường của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

❖ *Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh bình thường trong vòng 12 tháng*, Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo điều kiện sau:

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được xếp vào loại ngắn hạn.

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán từ 12 tháng tới trở lên kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được xếp vào loại dài hạn.

❖ *Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh bình thường dài hơn 12 tháng*, Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo điều kiện sau:

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng một chu kỳ kinh doanh bình thường, được xếp vào loại ngắn hạn.

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong thời gian dài hơn một chu kỳ kinh doanh bình thường, được xếp vào loại dài hạn.

❖ *Đối với các doanh nghiệp do tính chất hoạt động không thể dựa vào chu kỳ kinh doanh để phân biệt giữa ngắn hạn và dài hạn*, các Tài sản và Nợ phải trả được trình bày theo tính thanh khoản giảm dần.

1.2.1.4: Kết cấu và nội dung của Bảng cân đối kế toán theo mẫu B01-DNN

Theo quyết định 48/2006QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Bảng cân đối kế toán có kết cấu như sau:

Kết cấu Bảng cân đối kế toán gồm 2 phần: Phần Tài sản, Phần Nguồn vốn có thể kết cấu theo kiểu 1 bên (kiểu dọc) hoặc kiểu 2 bên (kiểu ngang). Ở mỗi phần trên Bảng cân đối kế toán đều có 5 cột theo trình tự: “Tài sản/ Nguồn vốn”, “Mã số”, “Thuyết minh”, “Số cuối năm”, “Số đầu năm”.

BCĐKT được chia làm 2 phần là phần “Tài sản” và phần “Nguồn vốn”.

❖ *Phần “Tài sản”:*

- Các chỉ tiêu phản ánh trong phần “Tài sản” được sắp xếp theo nội dung kinh tế của các loại tài sản của doanh nghiệp, được trình bày theo trình tự tính thanh khoản của tài sản giảm dần.

- Phần này phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp.

Căn cứ vào số liệu này có thể đánh giá một cách tổng quát quy mô tài sản và kết cấu các loại nguồn vốn của doanh nghiệp hiện có đang tồn tại dưới hình thức vật chất.

Xét về mặt pháp lý, số lượng của các chỉ tiêu bên phần “Tài sản” thể hiện số vốn đang thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp.

❖ *Phần “Nguồn vốn”:*

- Các chỉ tiêu trong phần “Nguồn vốn” được sắp xếp theo từng nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp, được trình bày theo trình tự tính cấp thiết phải thanh toán giảm dần.

- Phần này cho ta thấy thực trạng tài chính của doanh nghiệp.

Về mặt pháp lý, thể hiện trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp với chủ sở hữu về số vốn được đầu tư, đối với ngân hàng và các bên cho vay vốn, góp vốn, với khách hàng, với ngân hàng và các đối tượng khác về khoản phải trả.

Trong Bảng cân đối kế toán, mỗi doanh nghiệp phải trình bày riêng biệt các loại tài sản, nợ phải trả thành ngắn hạn và dài hạn. Trường hợp do tính chất hoạt động của doanh nghiệp không thể phân biệt được giữa ngắn hạn và dài hạn thì các tài sản và nợ phải trả phải được trình bày thứ tự theo tính thanh khoản giảm dần, nhằm cung cấp những thông tin hữu ích để phân biệt giữa các tài sản thuần luân chuyển liên tục như vốn lưu động với các tài sản thuần được sử dụng cho hoạt động dài hạn của doanh nghiệp. Việc phân biệt này cũng làm rõ tài sản sẽ được thu hồi trong kỳ hoạt động hiện tại và nợ phải trả đến hạn thanh toán trong kỳ hoạt động này.

Nội dung của Bảng cân đối kế toán được thể hiện thông qua hệ thống chỉ tiêu phản ánh tình hình tài sản và nguồn hình thành tài sản. Các chỉ tiêu được phân loại và sắp xếp thành từng loại, mục cụ thể và được mã hóa để thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

Ngày 04/10/2011, Bộ Tài chính ban hành thông tư 138/2011/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Hệ thống tài khoản (TK) được bổ sung, sửa đổi như sau:

- Bổ sung TK 171 – “*Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ*”
 - Bổ sung TK 3389 – “*Bảo hiểm thất nghiệp*”
 - Sửa đổi số hiệu TK 431 – “*Quỹ khen thưởng phúc lợi*” như sau:
 - + Đổi số hiệu TK 431 – “*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*” thành TK 353.
 - + Đổi số hiệu TK 4311 – “*Quỹ khen thưởng*” thành TK 3531.
 - + Đổi số hiệu TK 4312 – “*Quỹ phúc lợi*” thành TK 3532.
 - Bổ sung TK 3533 – “*Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ*” là TK cấp 2 của TK 353 – “*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*”.
 - Bổ sung TK 3534 – “*Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty*” là TK cấp 2 của TK 353 – “*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*”.
 - Bổ sung TK 356 – “*Quỹ phát triển khoa học và công nghệ*” và bổ sung 2 TK cấp 2:
 - + TK 3561 – “*Quỹ phát triển khoa học và công nghệ*”.
 - + TK 3562 – “*Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ*”.
- Sửa đổi, bổ sung một số chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán (Mẫu B01-DNN)**
- Đổi mã số chỉ tiêu “*Nợ dài hạn*” – Mã số 320 thành mã số 330.
 - Đổi mã số chỉ tiêu “*Vay và nợ dài hạn*” – Mã số 321 thành mã số 331.
 - Đổi mã số chỉ tiêu “*Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm*” – Mã số 322 thành mã số 332.
 - Đổi mã số chỉ tiêu “*Phải trả, phải nộp dài hạn khác*” – Mã số 328 thành mã số 338.
 - Đổi mã số chỉ tiêu “*Dự phòng phải trả dài hạn*” – Mã số 329 thành mã số 339 trên Bảng cân đối kế toán.
 - Đổi mã số chỉ tiêu “*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*” – Mã số 430 thành 323.
 - Sửa đổi chỉ tiêu “*Người mua trả tiền trước*” – Mã số 313 trên Bảng cân đối kế toán. Chỉ tiêu người mua trả tiền trước phản ánh tổng số tiền người mua ứng trước để mua tài sản, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ tại thời điểm báo cáo. Chỉ tiêu này không phản ánh các khoản doanh thu chưa thực hiện (gồm cả doanh thu nhận trước).

- Bổ sung chỉ tiêu “*Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ*” – Mã số 157 trên BCĐKT. Chỉ tiêu này phản ánh giá trị trái phiếu Chính phủ của bên mua khi chưa kết thúc thời hạn hợp đồng mua bán lại tại thời điểm báo cáo.

- Bổ sung chỉ tiêu “*Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ*” – Mã số 327 trên BCĐKT. Chỉ tiêu này phản ánh giá trị trái phiếu Chính phủ của bên bán khi chưa kết thúc thời hạn hợp đồng mua bán lại tại thời điểm báo cáo.

- Bổ sung chỉ tiêu “*Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn*” – Mã số 328 trên Bảng cân đối kế toán. Chỉ tiêu này phản ánh các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn tại thời điểm báo cáo.

- Đổi mã số chỉ tiêu “*Dự phòng phải trả ngắn hạn*” – Mã số 319 trên Bảng cân đối kế toán thành mã số 329.

- Bổ sung chỉ tiêu “*Doanh thu chưa thực hiện dài hạn*” – Mã số 334 trên Bảng cân đối kế toán. Chỉ tiêu này phản ánh các khoản doanh thu chưa thực hiện dài hạn tại thời điểm báo cáo.

- Bổ sung chỉ tiêu “*Quỹ phát triển khoa học và công nghệ*” – Mã số 336 trên Bảng cân đối kế toán. Chỉ tiêu này phản ánh Quỹ phát triển khoa học và công nghệ chưa sử dụng tại thời điểm báo cáo.

Do vậy kết cấu Bảng cân đối kế toán theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung theo Thông tư 138/2009/TT – BTC ngày 04/10/2009 như sau (Biểu số 1.1):

Biểu 1.1: Kết cấu Bảng cân đối kế toán theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 138/2009/TT-BTC

Đơn vị:.....

Mẫu số B01 – DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 138/2011/TT-BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị tính:.....

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100			
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	III.01		
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	III.05		
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	129		(...)	(...)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			
1. Phải thu của khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Các khoản phải thu khác	138			
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(...)	(...)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141	III.02		
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(...)	(...)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151			
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152			
3. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240)	200			
I. Tài sản cố định	210	III.03.04		
1. Nguyên giá	211			
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	212		(...)	(...)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213			
II. Bất động sản đầu tư	220			
1. Nguyên giá	221			

2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222		(...)	(...)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230	III.05		
1. Đầu tư tài chính dài hạn	231			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	239		(...)	(...)
IV. Tài sản dài hạn khác	240			
1. Phải thu dài hạn	241			
2. Tài sản dài hạn khác	248			
3. Dự phòng phải thu dài hạn (*)	249		(...)	(...)
TỔNG TÀI SẢN (250 = 100 + 200)	250			
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300			
I. Nợ ngắn hạn	310			
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả cho người bán	312			
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.16		
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316			
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318			
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
9. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	327			
10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Vay và nợ dài hạn	331			
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	332			
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	334			
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	336			
5. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	338			
6. Dự phòng phải trả dài hạn	339			
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400			
I. Vốn chủ sở hữu	410	III.07		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(...)	(...)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417			
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440			

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		
5. Ngoại tệ các loại		

Lập, ngày.....tháng.....năm...

Người lập biểu
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (2) Các chỉ tiêu không có số liệu thì không phải báo cáo nhưng không được đánh lại "Mã số".
- (3) Doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".

1.2.1.5: Cơ sở số liệu, quy trình lập Bảng cân đối kế toán theo mẫu số B01-DNN

❖ **Cơ sở số liệu để lập Bảng cân đối kế toán theo mẫu số B01-DNN:**

- Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán năm trước.
- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp.
- Căn cứ vào Bảng tổng hợp chi tiết.
- Căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh tài khoản.

❖ **Quy trình lập Bảng cân đối kế toán theo mẫu số B01-DNN:**

Quy trình lập Bảng cân đối kế toán gồm 06 bước cơ bản:

Bước 1: Kiểm tra tính có thật của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

Bước 2: Tạm khóa sổ kế toán và tiến hành đối chiếu các số liệu từ các sổ kế toán liên quan.

Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và khóa sổ kế toán chính thức.

Bước 4: Lập Bảng cân đối số phát sinh.

Bước 5: Lập Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DNN).

Bước 6: Kiểm tra, ký duyệt.

1.2.1.6: Phương pháp lập Bảng cân đối kế toán theo mẫu số B01-DNN

- Thông tin ở cột A là các chỉ tiêu báo cáo.
- Thông tin ghi ở cột B “Mã số” tương ứng với các chỉ tiêu báo cáo.
- Số hiệu ghi ở cột C “Thuyết minh” của báo cáo này là số hiệu các chỉ tiêu trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm thể hiện số liệu chi tiết hoặc các thuyết minh bổ sung của các chỉ tiêu này trong Bảng cân đối kế toán.

- Số liệu ghi vào cột 2 “Số đầu năm” của báo cáo này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 1 “Số cuối năm” của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo này năm trước hoặc theo số đã điều chỉnh các năm trước ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp phát hiện sai sót trọng yếu cần phải điều chỉnh theo phương pháp hồi tố.

- Số liệu ghi vào cột 1 “Số cuối năm” của báo cáo này căn cứ vào số cuối kỳ của các tài khoản tổng hợp và chi tiết phù hợp với từng chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán:

+ Số dư Nợ của các tài khoản loại 1, 2 ghi vào chỉ tiêu tương ứng của phần “Tài sản”.

+ Số dư Có của các tài khoản loại 3, 4 ghi vào các chỉ tiêu tương ứng của phần “Nguồn vốn”.

(*) Một số tài khoản đặc biệt cần lưu ý:

- Các TK dự phòng (TK 159, TK 229) và TK “Hao mòn tài sản cố định” (TK 214) mặc dù có số dư bên Có nhưng vẫn được ghi bên phần “Tài sản” bằng cách ghi âm trong ngoặc đơn (...).

- Các TK “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” – TK 412, “Chênh lệch tỷ giá” – TK 413, “Lợi nhuận chưa phân phối” – TK 421 có thể có số dư bên Nợ hoặc bên Có nhưng vẫn được ghi bên “Nguồn vốn”. Nếu dư Có – ghi bình thường, dư Nợ – ghi âm.

- Các TK lưỡng tính, phải mở sổ chi tiết, cuối lý lập Bảng tổng hợp sau đó căn cứ vào số liệu trên Bảng tổng hợp để ghi vào Bảng cân đối kế toán.

Ví dụ:

- Xét Bảng tổng hợp chi tiết TK 131 – “Phải thu khách hàng”.
 - Dư Nợ: ghi vào bên “Tài sản” – chỉ tiêu: “Phải thu khách hàng”
 - Dư Có: ghi vào bên “Nguồn vốn” – chỉ tiêu: “Người mua trả trước”
- Xét Bảng tổng hợp chi tiết TK 331 – “Phải trả người bán”.
 - Dư Nợ: ghi vào bên “Tài sản” – chỉ tiêu: “Trả trước cho người bán”

- Dư Có: ghi vào bên “*Nguồn vốn*” – chỉ tiêu: “*Phải trả người bán*”.

Cụ thể cách lập từng chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán như sau:

PHẦN TÀI SẢN

A. TÀI SẢN NGẮN HẠN - Mã số 100

$$\text{Mã số 100} = \text{Mã số 110} + \text{Mã số 120} + \text{Mã số 130} + \text{Mã số 140} + \text{Mã số 150}$$

I. Tiền và các khoản tương đương tiền – Mã số 110

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các Tài khoản 111 – “*Tiền mặt*”, TK 112 – “*Tiền gửi Ngân hàng*”; TK 113 – “*Tiền đang chuyển*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh ở số dư Nợ TK 121 trên sổ chi tiết TK 121, các khoản tương đương tiền phản ánh ở chỉ tiêu này là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ khi mua khoản đầu tư đó kể từ thời điểm báo cáo.

II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn – Mã số 120

$$\text{Mã số 120} = \text{Mã số 121} + \text{Mã số 129}$$

1. Đầu tư tài chính ngắn hạn - Mã số 121

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng dư Nợ của Tài khoản 121 – “*Đầu tư chứng khoán ngắn hạn*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái sau khi trừ đi các khoản đầu tư ngắn hạn đã được tính vào chỉ tiêu “*Tiền và các khoản tương đương tiền*”.

2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn - Mã số 129

Số liệu chỉ tiêu này được là số dư Có của Tài khoản 1591 – “*Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

III. Các khoản phải thu ngắn hạn – Mã số 130

$$\text{Mã số 130} = \text{Mã số 131} + \text{Mã số 132} + \text{Mã số 138} + \text{Mã số 139}$$

1. Phải thu của khách hàng - Mã số 131

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết ngắn hạn trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 131 – “*Phải thu khách hàng*” mở theo từng khách hàng trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 131.

2. Trả trước cho người bán - Mã số 132

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 331 – “*Phải trả người bán*” mở theo từng người bán trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 331.

3. Các khoản phải thu khác - Mã số 138

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ ngắn hạn trên Bảng tổng hợp chi tiết của các Tài khoản: TK 1388 – “*Phải thu khác*”; TK 334 – “*Phải trả người lao động*”; TK 338 – “*Phải trả phải nộp khác*” (Không bao gồm các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn).

4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi - Mã số 139

Số liệu chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của Tài khoản 1592 – “*Dự phòng phải thu khó đòi*” trên sổ kế toán chi tiết của các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

IV. Hàng tồn kho - Mã số 140

$$Mã số 140 = Mã số 141 + Mã số 149$$

1. Hàng tồn kho - Mã số 141

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này Tổng số dư Nợ của các Tài khoản sau: TK 152 – “*Nguyên vật liệu*”; TK 153 – “*Công cụ dụng cụ*”; TK 154 – “*Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang*”; TK 155 – “*Thành phẩm*”; TK 156 – “*Hàng hóa*”; TK 157 – “*Hàng gửi bán*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho - Mã số 149

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của Tài khoản 1593 – “*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*” trên sổ chi tiết TK 159, chi tiết các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho (TK 1593) và được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

V. Tài sản ngắn hạn khác - Mã số 150

$$Mã số 150 = Mã số 151 + Mã số 152 + Mã số 157 + Mã số 158$$

1. Thuế GTGT được khấu trừ - Mã số 151

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ của tài khoản 133 – “*Thuế GTGT được khấu trừ*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước - Mã số 152

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ chi tiết Tk 333 – “*Thuế và các khoản phải nộp nhà nước*” trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 333.

3. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu chính phủ - Mã số 157

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ của Tài khoản 171 – “*Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ*” trên sổ kế toán chi tiết TK 171.

4. Tài sản ngắn hạn khác - Mã số 158

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ trên Bảng tổng hợp chi tiết các TK sau: TK 1381 – “*Tài sản thiếu chờ xử lý*”; TK 141 – “*Tạm ứng*”; TK 142– “*Chi phí trả trước ngắn hạn*”; TK1388 – “*Phải thu khác*” (Chi tiết cầm cố, kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn).

B. Tài sản dài hạn - Mã số 200

$$Mã\ số\ 200 = Mã\ số\ 210 + Mã\ số\ 220 + Mã\ số\ 230 + Mã\ số\ 240$$

I. Tài sản cố định - Mã số 210

$$Mã\ số\ 210 = Mã\ số\ 211 + Mã\ số\ 212 + Mã\ số\ 213$$

1. Nguyên giá - Mã số 211

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của Tài khoản 211 – “*Tài sản cố định*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

2. Giá trị hao mòn lũy kế - Mã số 212

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có trên sổ chi tiết TK 214 – “*Hao mòn TSCĐ*”, cụ thể: TK 2141 – “*Hao mòn TSCĐ hữu hình*”; TK 2142 – “*Hao mòn TSCĐ thuê tài chính*”; TK 2143 – “*Hao mòn TSCĐ vô hình*” và số liệu ghi vào chỉ tiêu này được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang - Mã số 213

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của Tài khoản 241 – “*Xây dựng cơ bản dở dang*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

II. Bất động sản đầu tư – Mã số 220

$$Mã\ số\ 220 = Mã\ số\ 221 + Mã\ số\ 222$$

1. Nguyên giá - Mã số 221

Số liệu để phản ánh vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của Tài khoản 217 – “*Bất động sản đầu tư*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

2. Giá trị hao mòn lũy kế - Mã số 222

Số liệu để phản ánh vào chỉ tiêu là số dư Có của Tài khoản 2147 – “*Hao mòn bất động sản đầu tư*” trên sổ kế toán chi tiết TK 2147 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn – Mã số 230

$$Mã\ số\ 230 = Mã\ số\ 231 + Mã\ số\ 239$$

1. Đầu tư tài chính dài hạn - Mã số 231

Số liệu ghi vào chỉ tiêu là số dư Nợ của Tài khoản 221 – “*Đầu tư tài chính dài hạn*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn - Mã số 239

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của Tài khoản 229 – “*Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

IV. Tài sản dài hạn khác – Mã số 240

$$Mã\ số\ 240 = Mã\ số\ 241 + Mã\ số\ 248 + Mã\ số\ 249$$

1. Phải thu dài hạn - Mã số 241

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ, chi tiết phải thu dài hạn trên Bảng tổng hợp chi tiết của các tài khoản sau: TK 131 – “*Phải thu khách hàng*”; TK 331 – “*Phải trả người bán*”; TK 1388 – “*Phải thu khác*”; TK 338 – “*Phải trả khác*”.

2. Tài sản dài hạn khác - Mã số 248

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ tài khoản: TK 242 – “*Chi phí trả trước dài hạn*”; TK 244 – “*Ký quỹ, ký cược dài hạn*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi - Mã số 249

Số liệu để phản ánh vào chỉ tiêu là số dư Có chi tiết các khoản dự phòng phải thu dài hạn của TK 1592 - “*Dự phòng phải thu khó đòi*” trên sổ kế toán chi tiết TK 1592 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

TỔNG TÀI SẢN – Mã số 250

$$Mã\ số\ 250 = Mã\ số\ 100 + Mã\ số\ 200$$

PHẦN NGUỒN VỐN

A. NỢ PHẢI TRẢ - Mã số 300

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số nợ phải trả tại thời điểm báo cáo gồm: Nợ ngắn hạn và Nợ dài hạn

$$Mã\ số\ 300 = Mã\ số\ 310 + Mã\ số\ 330$$

I. Nợ ngắn hạn - Mã số 310

$$Mã\ số\ 310 = Mã\ số\ 311 + Mã\ số\ 312 + Mã\ số\ 313 + Mã\ số\ 314 + Mã\ số\ 315 + Mã\ số\ 316 + Mã\ số\ 318 + Mã\ số\ 323 + Mã\ số\ 327 + Mã\ số\ 328 + Mã\ số\ 329$$

1. Vay ngắn hạn - Mã số 311

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 311 – “*Vay ngắn hạn*” và TK 315 – “*Nợ dài hạn đến hạn trả*”, trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

2. Phải trả cho người bán - Mã số 312

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có chi tiết trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 331 – “*Phải trả cho người bán*” được phân loại là ngắn hạn mở theo từng người bán trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 331.

3. Người mua trả tiền trước - Mã số 313

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 131 – “*Phải thu của khách hàng*” được phân loại là ngắn hạn mở cho từng khách hàng trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 131.

4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước - Mã số 314

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của TK 333 - “*Thuế và các khoản phải nộp nhà nước*” trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 333.

5. Phải trả người lao động - Mã số 315

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của TK 334 – “*Phải trả người lao động*”, phần phải trả ngắn hạn trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

6. Chi phí phải trả - Mã số 316

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của tài khoản 335 – “*Chi phí phải trả*”, phần phải trả ngắn hạn trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác - Mã số 318

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của các TK 338 – “*Phải trả, phải nộp khác*”, TK 138 – “*Phải thu khác*”, phần phải trả ngắn hạn trên Bảng tổng hợp chi tiết của các TK 338, 138 (không bao gồm các tài khoản phải trả, phải nộp khác được xếp vào loại nợ phải trả dài hạn và phần dư Có TK 3387 đã phản ánh vào chỉ tiêu 138).

8. Quỹ khen thưởng phúc lợi – Mã số 323

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 353 – “*Quỹ khen thưởng phúc lợi*” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái.

9. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ - Mã số 327

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có TK 171 – “*Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ*” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái.

10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn – Mã số 328

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có của TK 3387 “*Doanh thu chưa thực hiện*” trên Sổ kế toán chi tiết TK 3387 (số doanh thu chưa thực hiện có thời hạn chuyển thành doanh thu thực hiện trong thời hạn 12 tháng tới).

11. Dự phòng phải trả ngắn hạn – Mã số 329

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 352–“*Dự phòng phải trả*”(chi tiết dự phòng cho các tài khoản phải trả ngắn hạn).

II. Nợ dài hạn - Mã số 330

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng giá trị các khoản Nợ dài hạn của doanh nghiệp bao gồm những khoản nợ có thời hạn thanh toán trên một năm hoặc trên một chu kỳ kinh doanh, khoản phải trả người bán, các khoản phải trả dài hạn khác, vay và nợ dài hạn tại thời điểm báo cáo.

$Mã\ số\ 330 = Mã\ số\ 331 + Mã\ số\ 332 + Mã\ số\ 334 + Mã\ số\ 336 + Mã\ số\ 338 + Mã\ số\ 339$

1.Vay và nợ dài hạn - Mã số 331

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có trên Sổ kế toán chi tiết TK 341 các tài khoản: TK 3411– “*Vay dài hạn*” và TK 3412 – “*Nợ dài hạn*” và kết quả tìm được của số dư Có TK 34131 – “*Mệnh giá trái phiếu*” trừ (–) số dư Nợ TK 34132 – “*Chiết khấu trái phiếu*” cộng (+) số dư Có TK 34133 – “*Phụ trội trái phiếu*”.

2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm - Mã số 332

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 351 – “*Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm*” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái.

3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn - Mã số 334

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có của TK 3387 – “*Doanh thu chưa thực hiện*” (số doanh thu chưa thực hiện có thời hạn chuyển thành doanh thu thực hiện trong 12 tháng hoặc bằng tổng số dư Có TK 3387 trừ (–) số doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh trên chỉ tiêu 328).

4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ - Mã số 336

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của tài khoản 356 – “*Quỹ phát triển khoa học và công nghệ*” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái.

5. Phải trả, phải nộp dài hạn khác – Mã số 338

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết trên Bảng tổng hợp chi tiết của các Tài khoản sau: TK 331 – “*Phải trả người bán*”; TK 338 – “*Phải trả, phải nộp khác*”; TK 138 – “*Phải thu khác*”; TK 131 – “*Phải thu khách hàng*” được phân loại là dài hạn trên Bảng tổng hợp chi tiết các TK 131, 138, 331, 338 và số dư Có TK 3414 – “*Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn*” trên số chi tiết TK 341 – “*Vay, nợ dài hạn*”.

6. Dự phòng phải trả dài hạn – Mã số 339

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có trên sổ kế toán chi tiết TK 352– “*Dự phòng phải trả*” (chi tiết dự phòng cho các tài khoản phải trả dài hạn).

B. VỐN CHỦ SỞ HỮU - Mã số 400

$$\text{Mã số 400} = \text{Mã số 410}$$

I. Vốn chủ sở hữu - Mã số 410

$$\text{Mã số 410} = \text{Mã số 411} + \text{Mã số 412} + \text{Mã số 413} + \text{Mã số 414} + \text{Mã số 415} + \text{Mã số 416} + \text{Mã số 417}$$

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu - Mã số 411

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của Tài khoản 4111 – “*Vốn đầu tư của chủ sở hữu*” trên sổ kế toán chi tiết TK 4111.

2. Thặng dư vốn cổ phần - Mã số 412

Chỉ tiêu này phản ánh thặng dư vốn cổ phần ở thời điểm báo cáo của công ty cổ phần. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của Tài khoản 4112 – “*Thặng dư vốn cổ phần*” trên sổ kế toán chi tiết TK 4112. Nếu TK này có số dư Nợ thì được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

3. Vốn khác của chủ sở hữu - Mã số 413

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư có Tài khoản 4118 – “*Vốn khác*” trên Sổ kế toán chi tiết TK 4118.

4. Cổ phiếu quỹ - Mã số 414

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của Tài khoản 419 – “*Cổ phiếu quỹ*” trên sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái. Nếu TK này có số dư Nợ thì được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái - Mã số 415

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của Tài khoản 413 – “*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái. Trường hợp TK 413 có số dư Nợ thì được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu - Mã số 416

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư có của Tài khoản 418 – “*Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối - Mã số 417

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của Tài khoản 421 – “*Lợi nhuận chưa phân phối*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái . Trường hợp TK 421 có số dư Nợ thì số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

TỔNG NGUỒN VỐN - MÃ SỐ 440

$$\text{Mã số 440} = \text{Mã số 300} + \text{Mã số 400}$$

Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán:

1. *Tài sản thuê ngoài* : Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của TK 001
2. *Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của TK 002.
3. *Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của TK 003.
4. *Nợ khó đòi đã xử lý*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu là tổng số dư Nợ của TK004.
5. *Ngoại tệ các loại*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của TK 007.

Chú ý:

- Kiểm tra tính cân bằng trong Bảng cân đối kế toán:

$$\text{Tổng Tài sản} = \text{Tổng Nguồn vốn}$$

- Kiểm tra mối quan hệ giữa các chỉ tiêu trên BCĐKT với các BCTC khác.

- Trình lên kế toán trưởng kiểm tra ký duyệt, cuối cùng trình lên giám đốc ký.

1.3. Phân tích Bảng cân đối kế toán

1.3.1: Sự cần thiết phân tích Bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán là tài liệu quan trọng đối với việc nghiên cứu, đánh giá khái quát tình hình tài chính, quy mô cũng như trình độ quản lý và sử dụng vốn. Đồng thời cũng cho thấy được triển vọng kinh tế, tài chính của doanh nghiệp trong việc định hướng các quyết định kinh tế trong tương lai của người sử dụng thông tin.

Phân tích Bảng cân đối kế toán nhằm nắm bắt được các mối quan hệ giữa các chỉ tiêu, nắm rõ cơ cấu tài sản và nguồn hình thành tài sản, giúp nhà quản trị tìm ra điểm mạnh, điểm yếu trong công tác tài chính, từ đó có hướng phát triển tích cực trong tương lai.

Mặt khác, phân tích Bảng cân đối kế toán giúp các nhà đầu tư, chủ nợ nắm bắt được tình hình tài chính của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư, tín dụng khác.

1.3.2: Nhiệm vụ phân tích Bảng cân đối kế toán

- Phân tích tình hình biến động của Tài sản, Nguồn vốn phân tích cơ cấu vốn và nguồn hình thành vốn, phân tích khả năng thanh toán...
- Xác định nguyên nhân ảnh hưởng đến các chỉ tiêu phân tích.
- Đưa ra các đề xuất, biện pháp phù hợp giúp công ty hoạt động hiệu quả.

1.3.3: Phương pháp phân tích Bảng cân đối kế toán

Có nhiều phương pháp khác nhau được sử dụng trong phân tích BCKT:

(1): Phương pháp so sánh:

Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến trong phân tích tình hình tài chính nhằm phản ánh kết quả, xác định vị trí và xu hướng biến động của các chỉ tiêu phân tích. Các kỹ thuật so sánh trong phương pháp này là:

❖ So sánh theo chiều dọc:

Là xem xét tỷ trọng của từng chỉ tiêu tương ứng (cùng cột báo cáo) trên Bảng cân đối kế toán, so với tổng thể để thấy được tỷ lệ tương quan giữa chúng.
Ví dụ: So sánh tỷ trọng của Tài sản ngắn hạn và Tài sản dài hạn trong Tổng tài sản; so sánh tỷ trọng của Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu trong Tổng nguồn vốn...

❖ So sánh theo chiều ngang:

- So sánh tất cả các chỉ tiêu bên phần Tài sản và Nguồn vốn giữa số cuối kỳ và số đầu kỳ, cả về số tuyệt đối và số tương đối.

- Phương pháp này cho ta thấy được xu thế biến động của các chỉ tiêu trong kỳ. Khi phân tích, thường xem xét xu hướng biến động ấy trong mối quan hệ với các chỉ tiêu khác có liên quan, từ đó rút ra được các kết luận chính xác.

(2): Phương pháp cân đối:

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hình thành nên nhiều mối quan hệ cân đối; cân đối là sự cân bằng về lượng giữa 2 mặt của yếu tố và quá trình kinh doanh.

Bằng việc sử dụng phương pháp so sánh này, các nhà quản lý sẽ liên hệ với tình hình sản xuất, kinh doanh cụ thể để đánh giá tính hợp lý của sự biến động theo từng chỉ tiêu cũng như biến động về tổng giá trị Tài sản, Nguồn vốn.

(3): Phương pháp tỷ lệ:

Cho phép tích lũy dữ liệu và thúc đẩy quá trình thanh toán hàng loạt, gồm có:

- *Tỷ lệ khả năng thanh toán*: Đánh giá khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp.

- *Tỷ lệ khả năng cân đối vốn, nguồn vốn*: Phản ánh mức độ ổn định và tự chủ tài chính.

- *Tỷ lệ khả năng sinh lời*: Phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh tổng hợp nhất của doanh nghiệp.

1.3.4: Nội dung của phân tích Bảng cân đối kế toán

1.3.4.1: Đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu cụ thể trên Bảng cân đối kế toán

Việc đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp là việc xem xét, nhận định sơ bộ bước đầu về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Công việc này giúp nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của doanh nghiệp mình có khả quan hay không, đồng thời đưa ra những đánh giá khái quát về thực trạng tài chính của doanh nghiệp.

Để đánh giá tình hình tài chính, cần tiến hành:

❖ *Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản*:

Công việc này được thực hiện để tiến hành so sánh sự biến động trên tổng tài sản cũng như từng loại tài sản cuối năm so với đầu năm. Đồng thời xem xét tỷ trọng của từng loại tài sản chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được mức độ hợp lý của việc phân bổ.

Việc phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản như được thể hiện qua bảng sau (Biểu số 1.2):

Biểu số 1.2: Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch (±)		Tỷ trọng (%)	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)	Đầu năm	Cuối năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN						
I. Tiền và các khoản tương đương tiền						
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn						
III. Các khoản phải thu ngắn hạn						
IV. Hàng tồn kho						
V. Tài sản ngắn hạn						
B. TÀI SẢN DÀI HẠN						
I. Tài sản cố định						
II. Bất động sản đầu tư						
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn						
IV. Tài sản dài hạn khác						
TỔNG TÀI SẢN						

❖ *Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn:*

Công việc này được thực hiện nhằm so sánh sự biến động trên tổng nguồn vốn cũng như từng loại nguồn vốn cuối năm so với đầu năm. Đồng thời xem xét tỷ trọng chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được cơ cấu và việc sử dụng vốn.

Việc phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn được thể hiện qua bảng sau (Biểu số 1.3):

Biểu số 1.3: Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch (±)		Tỷ trọng (%)	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)	Đầu năm	Cuối năm
A. NỢ PHẢI TRẢ						
I. Nợ ngắn hạn						
II. Nợ dài hạn						
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU						
I. Vốn chủ sở hữu						
TỔNG NGUỒN VỐN						

1.3.4.2: Đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua khả năng thanh toán

Phân tích khả năng thanh toán của doanh nghiệp giúp nhà quản lý và nhà đầu tư thấy được hiệu quả của hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Nếu hoạt động tài chính của doanh nghiệp tốt thì khả năng thanh toán của doanh nghiệp cao, ít công nợ cũng như ít bị chiếm dụng vốn. Ngược lại, tình hình hoạt động tài chính kém sẽ làm giảm khả năng thanh toán hay doanh nghiệp sẽ bị chiếm dụng vốn nhiều.

Phân tích khả năng thanh toán của doanh nghiệp, cần phân tích các chỉ tiêu sau:

❖ *Khả năng thanh toán tổng quát:*

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Nợ phải trả}}$$

Chỉ tiêu này cho biết, tại thời điểm lập BCTC, với toàn bộ tài sản hiện có thì doanh nghiệp có đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ nay không.

Nếu hệ số này càng lớn thì khả năng thanh toán của doanh nghiệp càng cao, tình hình tài chính càng lành mạnh và ngược lại.

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn:

$$\text{Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn} = \frac{\text{Tổng tài sản nợ ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Chỉ tiêu *hệ số thanh toán nợ ngắn hạn* chỉ rõ khả năng chi trả các khoản nợ ngắn hạn đến hạn của doanh nghiệp.

Giá trị của chỉ tiêu này càng lớn thì khả năng tài chính của doanh nghiệp càng lành mạnh.

❖ *Khả năng thanh toán nhanh:*

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tiền và các khoản tương đương tiền}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số thanh toán nhanh dùng để đánh giá khả năng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn đến hạn của doanh nghiệp.

Hệ số thanh toán nhanh càng cao thì khả năng thanh toán công nợ của doanh nghiệp càng cao và ngược lại.

Tuy nhiên, nếu hệ số này quá cao thì vốn bằng tiền của doanh nghiệp quá nhiều, vòng quay vốn lưu động thấp, hiệu quả không cao. Thông thường, hệ số này trong khoản xấp xỉ 0,5 là hợp lý hơn cả.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ISEA

2.1: Giới thiệu về công ty Cổ phần ISEA

2.1.1: Giới thiệu chung về công ty Cổ phần ISEA

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ISEA
- Tên giao dịch quốc tế: ISEA Joint Stock Company
- Tên viết tắt: ISEA ,.JSC
- Trụ sở chính: Số 6, ngõ 11 đường Hà Trì 2, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội
- Mã số thuế: 0105161519
- Người đại diện: Lê Mạnh Toàn – Chức vụ: Giám đốc
- Website: www.isea.com.vn
- E-mail: info@isea.com.vn
- Điện thoại: 0934.269.966
- Tài khoản số: 0991000003166 – Mở tại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank – Tây Hồ – Hà Nội.

Công ty Cổ phần ISEA được ra đời vào ngày 23 tháng 02 năm 2011 trong lúc sự phát triển và bùng nổ Công nghệ và Truyền thông tại Việt Nam. Ra đời với sứ mệnh phục vụ khách hàng với dịch vụ tốt nhất, đưa ra những giải pháp hữu ích nhất. Công ty Cổ phần ISEA đã tự lựa chọn cho mình con đường đi lên lấy chất lượng và uy tín hàng đầu. Năm 2011 cũng là năm thương hiệu ISEA chính thức được ra đời.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong đa lĩnh vực như: Công nghệ thông tin, Quảng cáo, Quảng cáo trực tuyến, Thiết kế website, cung cấp các dịch vụ gia tăng trên Internet và Điện thoại, cung cấp các giải pháp thương mại điện tử... Với các chuyên gia hàng đầu, quy trình làm việc chuyên nghiệp, khép kín. Con người ISEA luôn được trau dồi, tu dưỡng và ý thức được sứ mệnh phục vụ khách hàng của mình. “*Hiệu quả cao với chi phí bỏ ra*” đã là câu nói giúp ISEA tạo ra thương hiệu của mình.

Trong thời gian sắp tới, Việt Nam tiếp tục tham gia và hội nhập mạnh mẽ với thế giới trên mọi phương diện. Rất nhiều cơ hội, thách thức đang chờ đón chúng ta ở phía trước. ISEA cũng sẽ không ngừng phát triển và lắng nghe những ý kiến góp ý đầy thiện chí, cũng như những phê bình nghiêm túc để phấn đấu

nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải tiến quy trình quản lý, và cải thiện chất lượng phục vụ.

Công ty Ccoor phần ISEA với định hướng trở thành một tập đoàn công nghệ truyền thông và quảng cáo trực tuyến, phát triển bền vững trên cơ sở kết hợp sức mạnh tri thức, tinh đoàn kết tập thể và công nghệ ở một tầm cao mới. Với cơ cấu gọn nhẹ, khả năng tài chính vững mạnh và kinh doanh ổn định cùng phương pháp quản trị doanh nghiệp, ISEA đang ngày càng khẳng định vị trí và vị thế trong lĩnh vực phần mềm, truyền thông, và quảng cáo trực tuyến.

2.1.2: Các hoạt động kinh doanh và sản phẩm của công ty Cổ phần ISEA

2.1.2.1: Các hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần ISEA

- ❖ *Tư vấn xây dựng và thiết kế các hệ thống phần mềm quản lý.*
 - Phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc
 - Phần mềm quản lý nhà kho
 - Phần mềm quản lý bán hàng
 - Phần mềm quản lý nhân sự
 - Phần mềm quản trị doanh nghiệp
 - Phần mềm quản lý trường học
- ❖ *Cung cấp các dịch vụ Outsourcing trong lĩnh vực IT từ việc quản lý chất lượng, bảo trì đến việc phát triển phần mềm ứng dụng hoàn thiện.*
 - Hỗ trợ bản địa hoá phần mềm
 - Bảo trì phần mềm
 - Quản lý chất lượng, kiểm thử phần mềm.
 - Phát triển phần mềm ứng dụng hoàn thiện (Full-cycle development)
 - Phát triển từng phần: thiết kế, lập trình, kiểm thử, triển khai...
- ❖ *Thiết kế và triển khai các phần mềm ứng dụng khác.*
 - Thiết kế và phát triển các ứng dụng di động
 - Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý, định vị toàn cầu GPS.
 - Tư vấn và triển khai các phần mềm quản trị tổng thể doanh nghiệp.
 - Xây dựng các ứng dụng WEB
- ❖ *Nghiên cứu tư vấn công nghệ*
 - Phân tích, luận chứng về tính khả thi của các hệ thống phần mềm.
 - Khái niệm hoá/trừu tượng hoá các hệ thống phần mềm.
 - Tư vấn việc tối ưu hoá các quy trình thông qua việc sử dụng các hệ thống phần mềm

2.1.2.2 Các sản phẩm chính của Công ty Cổ phần ISEA

❖ Phần mềm quản lý tài liệu: **Documents Management System**

Phần mềm quản lý tài liệu là phần mềm sử dụng trong việc quản lý tài liệu của các đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức có yêu cầu cao trong việc quản lý các văn bản tài liệu. Phần mềm được thiết kế với giao diện web, với các công nghệ tiên tiến như điện toán đám mây, tối ưu hóa thao tác sử dụng của người dùng giúp tăng hiệu quả làm việc.

Với Phần mềm *Documents Management System* khách hàng có thể:

- Lưu trữ tài liệu một cách an toàn, bảo mật. Mọi thao tác thêm sửa xóa tài liệu trên phần mềm đều rất đơn giản. Việc lưu trữ tài liệu nội bộ theo hệ thống và được sắp xếp theo quy chuẩn.

- Chia sẻ tài liệu một cách tiện lợi và hiệu quả. Người dùng có thể chia sẻ tài liệu giữa các phòng ban hoặc cá nhân trong cùng hệ thống phần mềm.

- Tìm tài liệu nhanh chóng và chính xác. Chỉ với một vài từ khóa, bạn có thể tìm tài liệu mình đã lưu trữ từ trước mà không tốn công.

- Chỉnh sửa tài liệu ngay trên phần mềm.

Các tổ chức sử dụng:

- Các đơn vị cần quản lý một lượng lớn tài liệu một cách nghiêm ngặt.

- Các đơn vị tổ chức phải làm việc trao đổi dữ liệu giữa các phòng ban.

- Các ban quản lý dự án

- Cơ quan, tổ chức có hệ thống quản lý phân cấp.

❖ Phần mềm quản lý nhân sự: **Human Management**.

Phần mềm *Human Management* là phần mềm quản lý nhân sự cho các tổ chức, tập đoàn lớn cần phải có sự quản lý nhân sự nghiêm ngặt. Với việc thao tác trên website, việc quản lý nhân sự hoàn toàn đơn giản và hiệu quả cao trong công việc.

Với *Human Management* khách hàng có thể:

- Quản lý danh sách nhân sự.

- Chăm công.

- Tính lương/thưởng/phạt.

- Thông báo và nhận thông báo từ ban quản lý.

Các tổ chức sử dụng:

- Các tập đoàn với lượng nhân lực lớn.

- Các nhà máy xí nghiệp sản xuất.

❖ *Phần mềm bán hàng: E-commerce Management*

Phần mềm sử dụng công nghệ điện toán đám mây giúp bạn quản trị cửa hàng từ xa mà chỉ cần một đường truyền internet. Hỗ trợ sử dụng chạy trên nhiều thiết bị như máy tính, điện thoại, máy tính bảng.

Với *E-commerce Management* khách hàng có thể:

- Quản lý sản phẩm trong kho.
- Quản lý doanh thu.
- Quản lý tình hình hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo tài chính.
- Bán hàng trực tiếp.

Các tổ chức sử dụng: Siêu thị, đại lý cửa hàng có số lượng mặt hàng lớn.

2.1.3: Những thuận lợi, khó khăn của công ty Cổ phần ISEA trong quá trình hoạt động

2.1.3.1: Thuận lợi của công ty

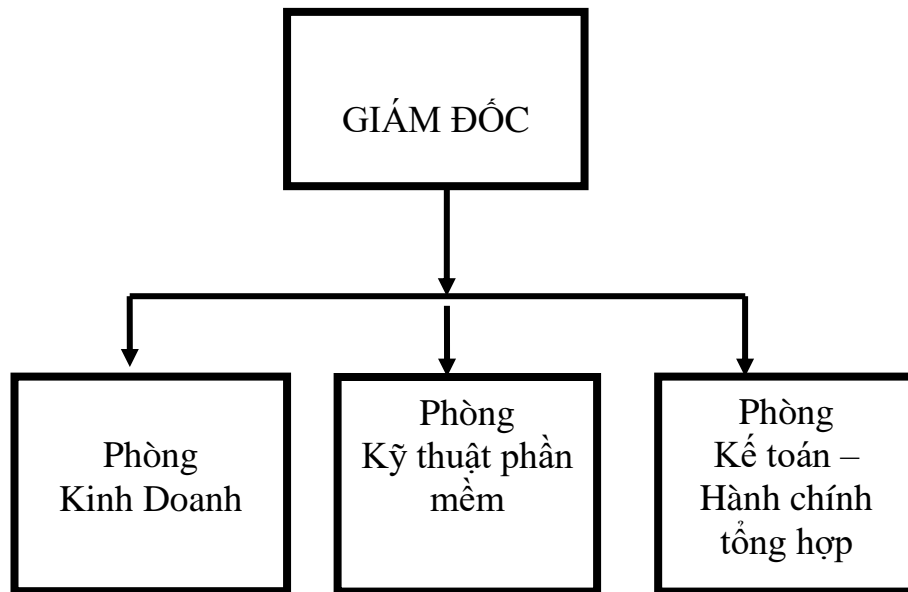
- Công ty có điều kiện đẩy mạnh cải cách về nhân sự, phương thức hoạt động trong nền kinh tế thị trường.
- Nguồn vốn ổn định giúp doanh nghiệp ổn định kinh doanh.
- Đội ngũ nhân viên năng động, có trách nhiệm cao với công việc.
- Văn phòng được trang bị đầy đủ máy tính và các phương tiện thông tin liên lạc để đảm bảo phục vụ tốt nhất cho công tác và công việc của mỗi nhân viên và cho hoạt động kinh doanh của công ty.
- Môi trường làm việc có tính chuyên môn hóa cao khi các phòng ban được phân công rõ ràng và nhất quán với đó là bộ máy quản lý chuyên nghiệp, dễ dàng kiểm tra, kiểm soát.

2.1.3.2: Khó khăn của công ty

- Quan hệ đối nội, đối ngoại của Ban Giám Đốc chưa phát huy được hết sức mạnh của tập thể để có bước đột phá về mối quan hệ trong lĩnh vực tài chính, kinh tế với các đối tác mà đây lại là đòn bẩy cho hoạt động kinh doanh của công ty được thuận lợi.
- Đội ngũ nhân viên trong công ty đa phần là nhân viên trẻ, còn hạn chế về kinh nghiệm và năng lực đặc biệt là khả năng đọc và phân tích BCTC còn nhiều hạn chế.
- Nền kinh tế thị trường trong mấy năm trở lại đây có nhiều biến động, không ổn định, cạnh tranh ngày càng gay gắt.

2.1.4: Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy tại Công ty Cổ phần ISEA

Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần ISEA dựa trên mô hình trực tuyến



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần ISEA

Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban:

▪ *Giám đốc công ty*

- Là người đứng đầu công ty, đồng thời là người trực tiếp lãnh đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty qua bộ máy lãnh đạo của công ty. Giám đốc là người chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về mọi hoạt động đối nội và đối ngoại của công ty.

- Quyết định về tất cả các vấn đề có liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty.

- Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

- Tổ chức thực hiện những kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.

- Kiến nghị phương án bố trí tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh tổ chức trong công ty, trừ các chức danh trong Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Lập và tổ chức, triển khai kế hoạch kinh doanh của công ty

- Tổ chức thu thập, đánh giá thông tin thị trường và đưa ra các đề xuất.

- Phê duyệt phương án kinh doanh

▪ *Phòng Kinh doanh*

- Phòng này có trách nhiệm thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ .
- Làm công tác tiếp thị kinh doanh và tổ chức bán hàng.
- Quảng bá dịch vụ và thương hiệu hiệu quả
- Chủ động nghiên cứu thị trường

▪ *Phòng Kỹ thuật phần mềm*

- Có trách nhiệm cập nhật phần mềm cho khách hàng.
- Thiết kế, tạo lập các ứng dụng phù hợp với nhu cầu của nhiều loại hình doanh nghiệp.

▪ *Phòng kế toán*

- Tổ chức công tác ghi chép ban đầu, lập, kiểm soát và quản lý các chứng từ kế toán theo đúng quy định của pháp luật.
- Lập và quản lý các sổ sách kế toán theo quy định của chế độ Tài chính – Kế toán hiện hành.
- Lập, trình ký, chuyển nộp các báo cáo thuế, báo cáo kế toán, báo cáo thống kê định kỳ theo chế độ Tài chính – Kế toán hiện hành.
- Tổ chức, thực hiện những nhiệm vụ đáp ứng mọi yêu cầu của công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp.
- Tham mưu cho giám đốc trong lĩnh vực quản lý các hoạt động tài chính, đề xuất lên giám đốc các phương án tổ chức kế toán, đồng thời thông tin cho ban lãnh đạo những hoạt động tài chính, những thông tin cần thiết để kịp thời điều chỉnh quá trình hoạt động kinh doanh trong công ty.
- Thanh toán lương cho nhân viên.
- Quản lý công tác hành chính văn thư, bảo mật, thông tin liên lạc, đánh máy, hợp đồng lao động.

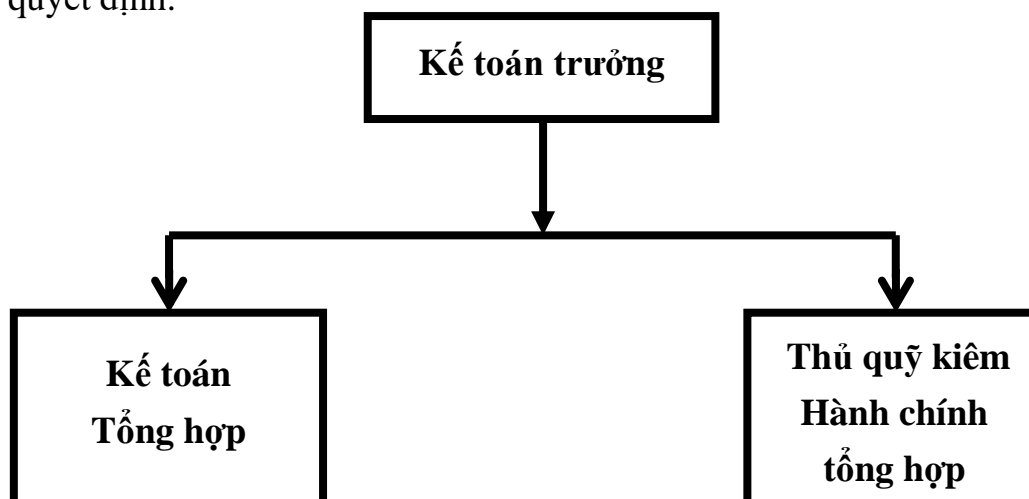
2.1.5: Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty Cổ phần ISEA

2.1.5.1: Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Bộ máy kế toán của công ty Cổ phần ISEA được tổ chức theo hình thức tập trung gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán từ việc xử lý chứng từ đến ghi sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính đều được tập trung thực hiện ở phòng kế toán (Sơ đồ 2.2).

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, với mô hình kế toán tập trung đã giúp bộ máy kế toán của công ty được gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phù hợp với

tình hình của công ty. Giúp cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý trong việc ra quyết định.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần ISEA

Chức năng của các bộ phận trong tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

▪ *Kế toán trưởng:*

- Là người được bổ nhiệm theo quyết định của giám đốc công ty, có trách nhiệm đôn đốc kế toán viên làm việc có hiệu quả. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán của công ty và chịu sự điều hành của giám đốc, hỗ trợ cho kế toán viên thực hiện công việc.

- Tính lương cho cán bộ công nhân viên

- Lập báo cáo tài chính theo từng tháng, quý, năm

▪ *Kế toán tổng hợp:*

- Lập phiếu thu, phiếu chi tiền mặt

- Theo dõi dòng tiền vào, dòng tiền ra của công ty

- Theo dõi, đối chiếu công nợ của công ty với khách hàng

- Hạch toán doanh thu, thuế GTGT, báo cáo thuế..

- Quản lý chứng từ, sổ sách liên quan đến thu, chi tiền mặt

- Lưu trữ dữ liệu kế toán theo quy định

- Hỗ trợ cho thủ quỹ công việc hành chính tổng hợp.

▪ *Thủ quỹ*

- Trực tiếp thu chi tiền mặt, tiếp nhận chứng từ ngân hàng theo dõi số dư tài khoản tại các ngân hàng.

- Thực hiện việc ghi chép sổ quỹ tiền mặt.

- Làm công tác hành chính văn thư, bảo mật, thông tin liên lạc, đánh máy, hợp đồng lao động.

2.1.5.2: *Hình thức ghi sổ kế toán, chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty*

- *Hình thức ghi sổ kế toán, trình tự hạch toán tại Công ty Cổ phần ISEA*

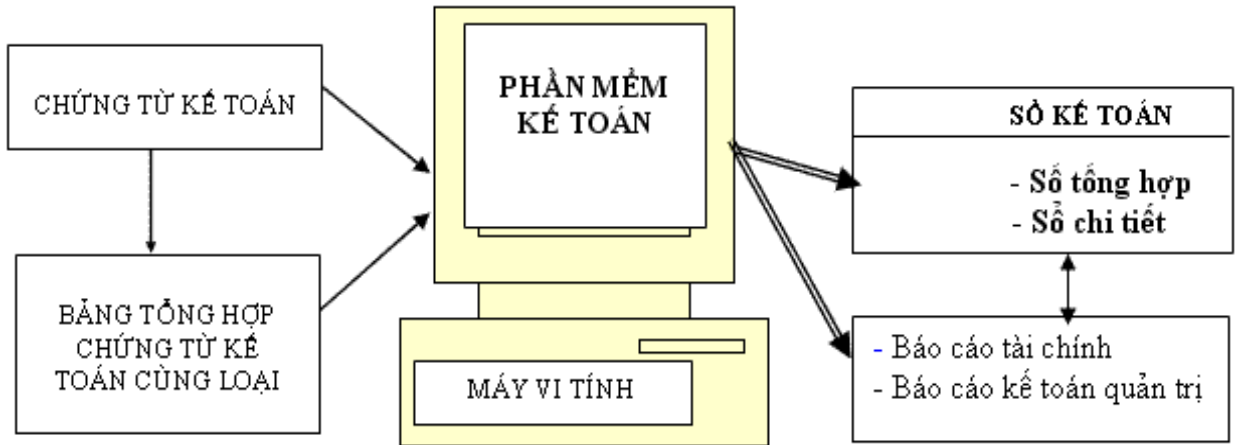
Công ty Cổ phần ISEA áp dụng ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy (Sơ đồ 2.3). Hiện tại, công ty đang sử dụng phần mềm kế toán 3T Soft để hạch toán (Hình 2.1).

Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính như sau:

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

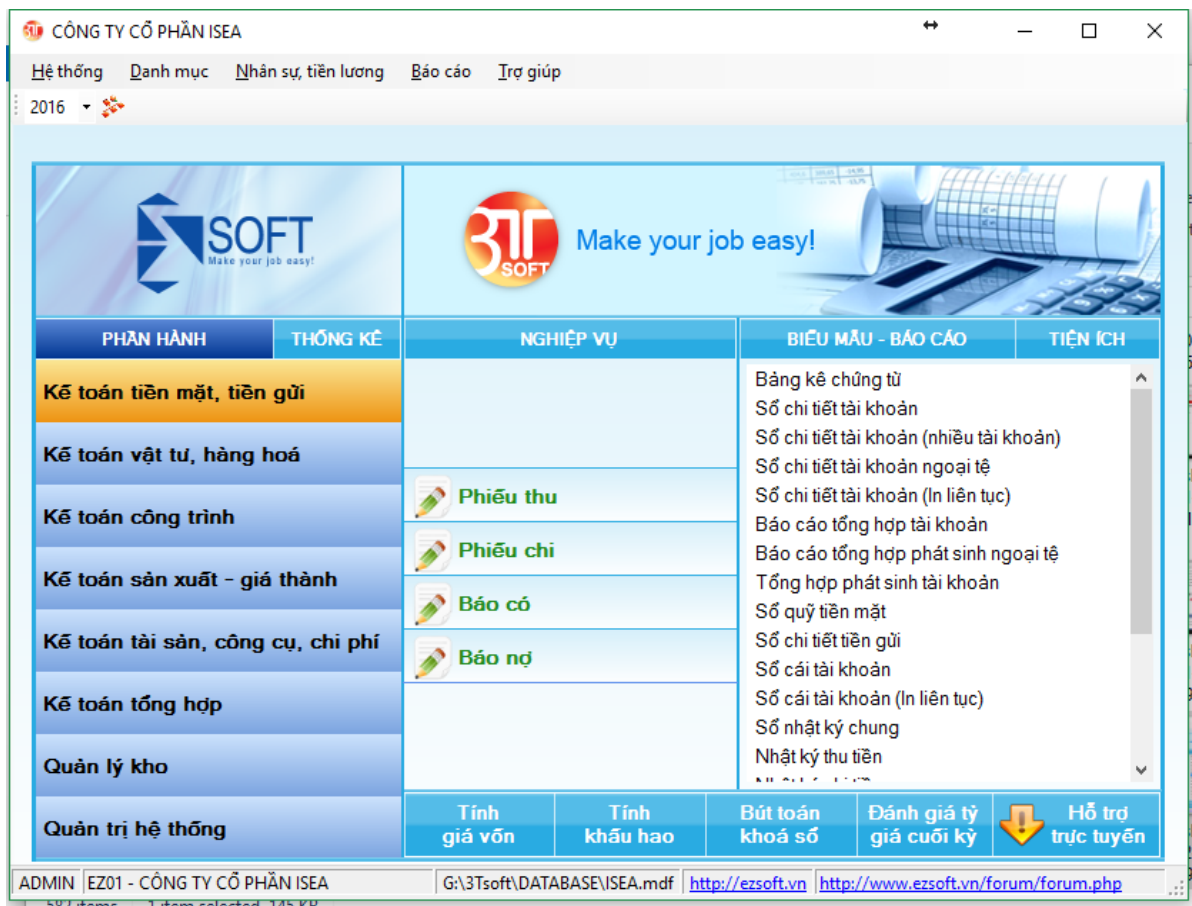
(3) Cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



Ghi chú:
 → Nhập số liệu hàng ngày
 ⇨ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
 ⇄ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ kế toán máy tại công ty Cổ phần ISEA

Hình 2.1: Giao diện phần mềm kế toán 3Tsoft được sử dụng tại công ty Cổ phần ISEA



- *Chế độ kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần ISEA*
Công ty Cổ phần ISEA hiện nay đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Công ty đang áp dụng các chính sách kế toán:
 - Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12
 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam
 - Nộp thuế GTGT theo phương pháp: Phương pháp khấu trừ.
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên
 - Phương pháp tính giá trị xuất kho: Bình quân gia quyền liên hoàn

2.2: Thực trạng công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA

2.2.1: Thực trạng công tác lập Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần ISEA

2.2.1.1: Căn cứ lập Bảng cân đối kế toán tại công ty

- Căn cứ vào Sổ Cái các tài khoản.
- Căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh.
- Căn cứ vào Bảng tổng hợp chi tiết.
- Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán năm trước.

2.2.1.2: Quy trình lập Bảng cân đối kế toán tại công ty

Quy trình lập *Bảng cân đối kế toán* tại Công ty Cổ phần ISEA được thực hiện trình tự các bước sau:

Bước 1: Kiểm tra tính có thật của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

Bước 2: Tạm khóa sổ kế toán và tiến hành đối chiếu các số liệu từ các sổ kế toán liên quan.

Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển và khóa sổ kế toán chính thức.

Bước 4: Lập Bảng cân đối số phát sinh.

Bước 5: Lập Bảng cân đối kế toán.

Bước 6: Kiểm tra, ký duyệt.

2.2.1.3: Nội dung lập Bảng cân đối kế toán tại công ty

Bước 1: Kiểm tra tính có thật của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ:

Định kỳ hàng tháng, kế toán kiểm tra tính có thật, đầy đủ, đúng đắn của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Nếu phát hiện ra sai sót thì kịp thời xử lý, chỉnh sửa. Kế toán tiến hành kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ qua các bước sau:

(1) Sắp xếp hóa đơn, chứng từ theo trình tự thời gian, nội dung kinh tế của từng nghiệp vụ và sắp xếp hóa đơn, chứng từ theo số hiệu tăng dần.


(2) Kiểm tra, đối chiếu chứng từ của nghiệp vụ kinh tế phát sinh với nội dung được phản ánh trên Sổ Nhật ký chung về nội dung kinh tế, ngày tháng, số tiền, quan hệ đối ứng tài khoản và nghiệp vụ.

(3) Kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa Sổ nhật ký chung với Sổ cái các tài khoản có liên quan.

(4) Nếu phát hiện ra sai sót phải có biện pháp xử lý và điều chỉnh kịp thời.

Ví dụ 1: Kiểm tra nghiệp vụ: Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt, số tiền 32.000.000 đồng của ngày 20/01/2015

- Lấy phiếu thu 002 (Biểu 2.1), kế toán kiểm tra đối chiếu với Sổ Nhật ký chung. Để in Sổ Nhật ký chung kế toán cần thực hiện thao tác như sau:

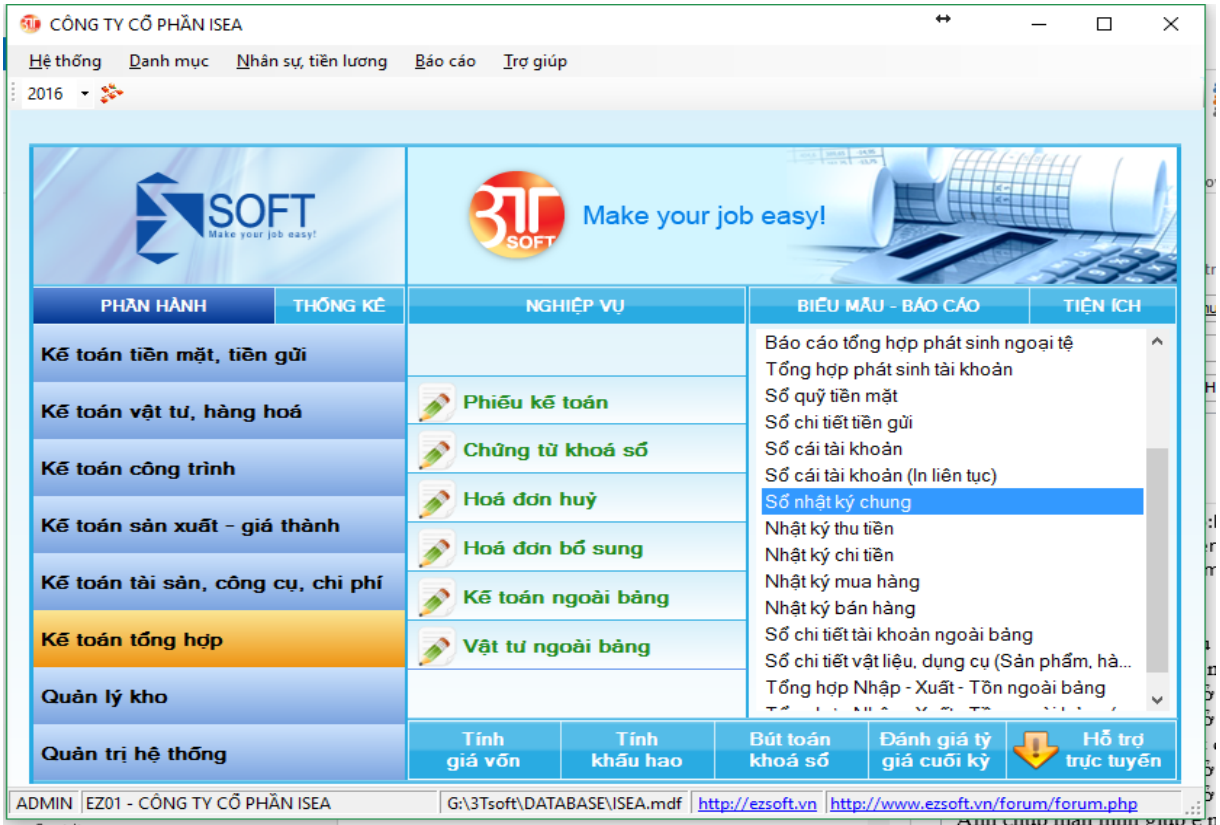
Mở phần mềm kế toán 3T Soft, kế toán chọn “Kế toán tổng hợp”, tiếp tục chọn “Sổ Nhật ký chung” (Hình 2.2). Sau đó giao diện sổ Nhật ký chung hiện lên chọn thời gian “từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015” (Hình 2.3), chọn biểu tượng in  trên thanh công cụ để in ra Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2).

Biểu 2.1: Phiếu thu 002

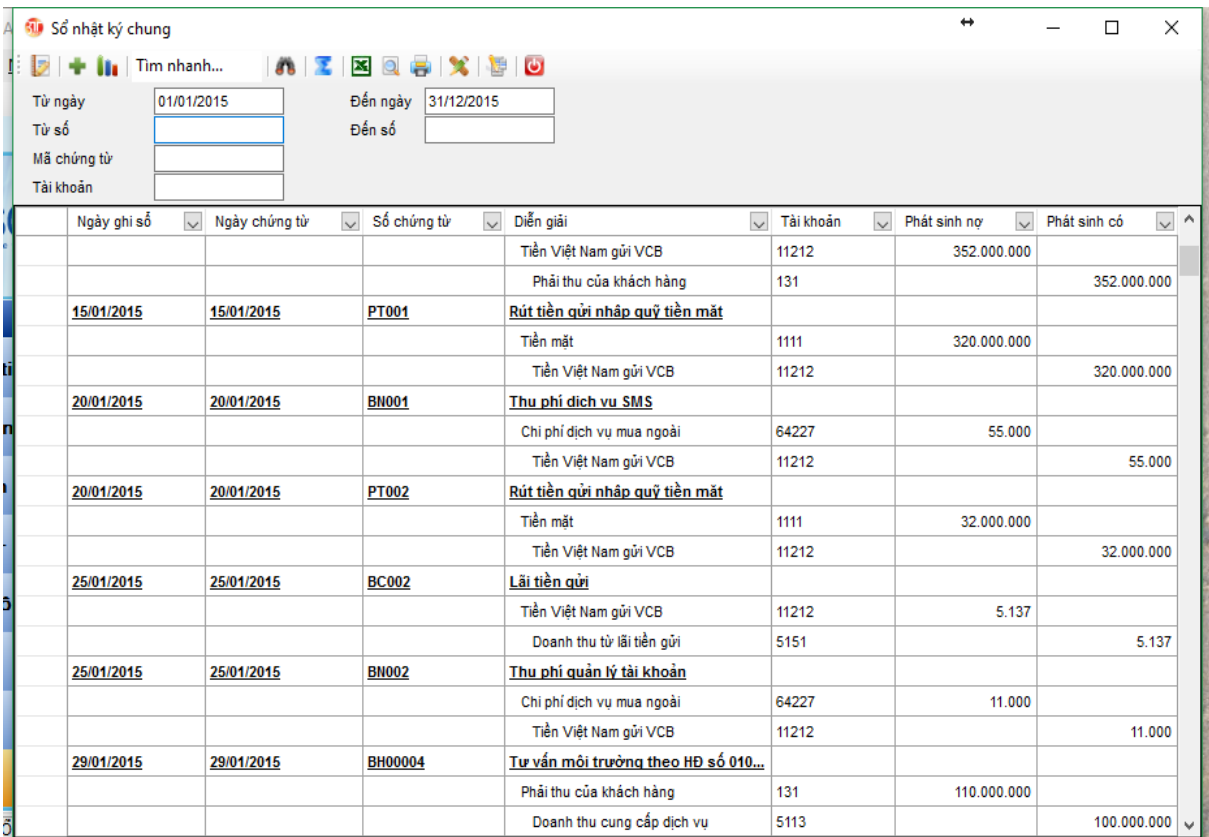
CÔNG TY CỔ PHẦN ISEA		Mẫu số: 01 – TT		
Số 6, ngõ 11 đường Hà Trì 2, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội.		(QĐ số: 48/2006/QĐ-/BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)		
PHIẾU THU				
Ngày 20 tháng 01 năm 2015		Số: PT002		
		Nợ 111: 32.000.000		
		Có 112: 32.000.000		
Họ và tên người nộp tiền: Đào Thị Huyền				
Địa chỉ: Phòng kế toán				
Lý do nộp tiền: Rút tiền gửi về quỹ tiền mặt				
Số tiền: 32.000.000đ				
Viết bằng chữ: Ba mươi hai triệu đồng chẵn.				
Kèm theo: 01 chứng từ gốc				
Ngày 20 tháng 01 năm 2015				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Ba mươi hai triệu đồng chẵn.				

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ Phần ISEA)

Hình 2.2 Giao diện chọn Sổ Nhật ký chung trên phần mềm 3T Soft



Hình 2.3 Giao diện chọn thời gian trên Sổ Nhật ký chung



Biểu 2.2: Trích trang Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN ISEA
Số 6, ngõ 11 đường Hà Trì 2, Hà Cầu, Hà Đông, HN

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
	Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
.....
15/01/2015	15/01/2015	PT001	Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt Tiền mặt Tiền Việt Nam gửi VCB	1111 11212	320.000.000	320.000.000
20/01/2015	20/01/2015	BN001	Thu phí dịch vụ SMS Chi phí dịch vụ mua ngoài Tiền Việt Nam gửi VCB	64227 11212	55.000	55.000
20/01/2015	20/01/2015	PT002	Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt Tiền mặt Tiền Việt Nam gửi VCB	1111 11212	32.000.000	32.000.000
25/01/2015	25/01/2015	BC002	Lãi tiền gửi Tiền Việt Nam gửi VCB Doanh thu từ lãi tiền gửi	11212 5151	5.137	5.137
25/01/2015	25/01/2015	BN002	Thu phí quản lý tài khoản Chi phí dịch vụ mua ngoài Tiền Việt Nam gửi VCB	64227 11212	11.000	11.000
29/01/2015	29/01/2015	BH 00004	Tư vấn môi trường theo HD số 0109 Phải thu của khách hàng Doanh thu cung cấp dịch vụ Thuế và các khoản nộp NN	131 5113 3331	110.000.000	100.000.000 10.000.000
30/1/2015	30/1/2015	PC008	Chi phí tiền internet tháng 1			
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	64227	250.000	
			Tiền mặt	1111		250.000
.....
			TỔNG CỘNG		12.490.719.896	12.490.719.896

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ Phần ISEA)

Kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa Sổ Nhật ký chung với Sổ Cái các tài khoản liên quan. Nếu phát hiện sai sót kế toán điều chỉnh kịp thời.

Để in Sổ Cái kế toán cần thực hiện thao tác như sau:

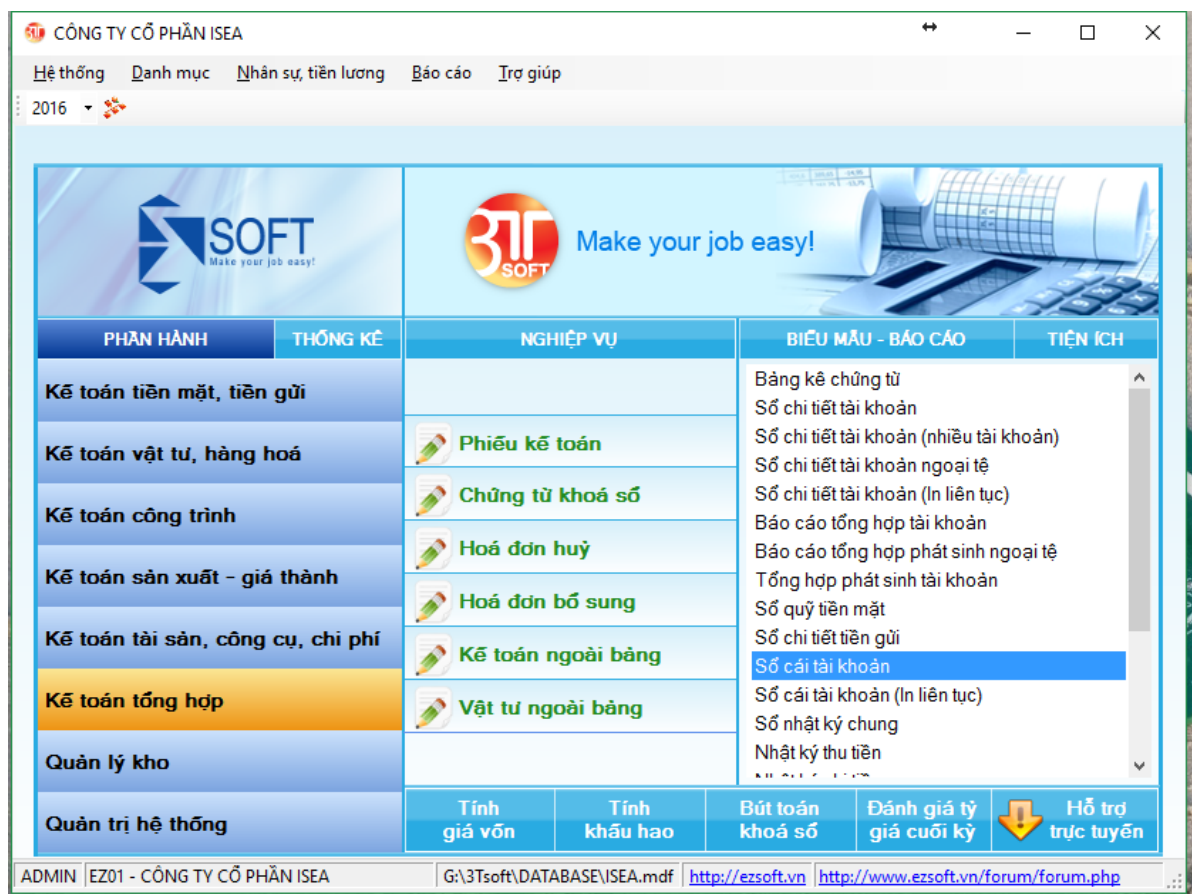
Mở phần mềm kế toán 3T Soft, chọn “Kế toán tổng hợp”, chọn “Sổ cái tài khoản” (Hình 2.4) giao diện sổ Cái hiện lên, tiếp theo điền số hiệu tài khoản cần xem vào ô “Tài khoản”, chọn thời gian “Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015” (Hình 2.5) chọn biểu tượng in  trên thanh công cụ để in ra Sổ Cái tài khoản:

Trích trang Sổ cái tài khoản 111 (Biểu 2.3)

Trích trang Sổ cái tài khoản 112 (Biểu 2.4)

Kiểm tra đối chiếu chứng từ Phiếu thu với Sổ quỹ Tiền mặt (Biểu 2.5), khi phát sinh nghiệp vụ đến tiền mặt thủ quỹ ghi thủ công Sổ quỹ tiền mặt và theo dõi hàng ngày.

Hình 2.4 Giao diện chọn Sổ cái tài khoản trên phần mềm 3T Soft



Hình 2.5 Giao diện chọn TK và thời gian trên Sổ cái tài khoản

Ngày ghi số	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tk Đ/ứ	Phát sinh nợ	Phát sinh có
			Số dư đầu kỳ			
			Công phát sinh trong kỳ			
			Số dư cuối kỳ			

Biểu 2.3: Trích trang Sổ cái tài khoản 111

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

Tài khoản: 111 - Tiền mặt

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh		Ghi chú
	Ngày, tháng	Số hiệu			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	F
			Số dư đầu kỳ		167.374.600		
....
15/01/2015	15/01/2015	PT001	Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt	11212	320.000.000		
20/01/2015	20/01/2015	PT002	Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt	11212	32.000.000		
30/01/2015	30/01/2015	PC008	Chi phí tiền internet tháng 1	64227		250.000	
.....
05/02/2015	05/02/2015	PC012	Trả lương tháng 1 cho nhân viên	334		35.865.000	
07/02/2015	07/02/2015	PC013	Chi trả tiền điện .	64227		1.342.000	
07/02/2015	07/02/2015	PT006, BH00008	Thu tiền phần mềm web site	5113 3331	12.000.000 1.200.000		
08/02/2015	08/02/2015	PC014, BC008	Nộp tiền vào TK VCB	11212		50.000.000	
....
			Cộng phát sinh trong kỳ		984.000.000	833.170.428	
			Số dư cuối kỳ		318.204.172	-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ Phần ISEA)

Biểu 2.4: Trích trang Sổ cái tài khoản 112

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

Tài khoản: 112 - Tiền gửi ngân hàng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh		Ghi chú
	Ngày, tháng	Số hiệu			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	F
			Số dư đầu kỳ		978.098.000		
14/01/2015	14/01/2015	BC001	Công ty Iboss thanh toán tiền	131	352.000.000		
15/01/2015	15/01/2015	PT001	Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt	1111		320.000.000	
20/01/2015	20/01/2015	BN001	Phí dịch vụ SMS	64227		55.000	
20/01/2015	20/01/2015	PT002	Rút tiền gửi nhập quỹ	1111		32.000.000	
25/01/2015	25/01/2015	BC002	Lãi tiền gửi	5155	5.137		
25/01/2015	25/01/2015	BN002	Phí quản lý tài khoản	64227		11.000	
30/01/2015	30/01/2015	BC003, BH00005	Thu tiền cung cấp web	5113 3331	9.000.000 900.000		
02/02/2015	02/02/2015	BC004	Công ty Nervipharm thanh toán tiền	131	132.000.000		
.....	
08/02/2015	08/02/2015	BC008, PC014	Nộp tiền vào TK VCB	1111	50.000.000		
.....	
			Cộng phát sinh trong kỳ		1.592.523.996	892.545.212	
			Số dư cuối kỳ		1.678.076.784	-	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ Phần ISEA)

Biểu 2.5: Trích trang Sổ quỹ Tiền mặt

CÔNG TY CỔ PHẦN ISEA

Số 6, ngõ 11 đường Hà Trì 2, Hà Cầu, Hà Đông, HN.

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

Loại quỹ: 111

Mẫu số: S05a – DNN

(QĐ số: 48/2006/QĐ-/BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Ngày ghi sổ	Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
				Số dư đầu năm			167.374.600	
.....	
15/01/2015	15/01/2015	PT001		Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt	320.000.000		356.450.675	
20/01/2015	20/01/2015	PT002		Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt	32.000.000		388.450.675	
30/01/2015	30/01/2015		PC008	Chi phí tiền internet tháng 1		250.000	388.200.675	
.....	
05/02/2015	05/02/2015		PC012	Trả lương tháng 1 cho nhân viên		35.865.000	556.784.222	
07/02/2015	07/02/2015		PC013	Chi trả tiền điện		1.342.000	555.442.222	
07/02/2015	07/02/2015	PT006		Thu tiền cung cấp phần mềm website	13.200.000		568.642.222	
08/02/2015	08/02/2015		PC014	Nộp tiền vào tài khoản VCB		50.000.000	618.642.222	
.....	
				Cộng số phát sinh	984.000.000	833.170.428		
				Số dư cuối năm			318.204.172	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)


Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ Phần ISEA)

Bước 2: Tạm khóa sổ kế toán và tiến hành đối chiếu các số liệu từ các sổ kế toán liên quan

Sau khi kiểm tra tính có thật của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ, kế toán thực hiện việc đối chiếu các số liệu giữa các Sổ cái tài khoản với các Bảng tổng hợp chi tiết.

Để in Bảng tổng hợp chi tiết kế toán cần thực hiện thao tác như sau:

Mở phần mềm kế toán 3T Soft, chọn “Kế toán tổng hợp”, chọn “Báo cáo tổng hợp tài khoản” (Hình 2.6) giao diện Báo cáo tổng hợp tài khoản hiện lên, tiếp theo điền số hiệu tài khoản cần xem vào ô “Tài khoản”, chọn thời gian “Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015”, chọn biểu tượng in  trên thanh công cụ để in ra Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản.

Sau khi in để kiểm tra đối chiếu số liệu Sổ Cái các tài khoản với Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Dưới đây là:

- Trích trang Sổ Cái TK 131 (Biểu 2.6);
- Trích trang Bảng tổng hợp chi tiết Phải thu khách hàng (Biểu 2.7);
- Trích trang Sổ Cái TK 331 (Biểu 2.8);
- Trích trang Bảng tổng hợp chi tiết Phải trả người bán (Biểu 2.9);

Hình 2.6: Giao diện chọn Báo cáo tổng hợp tài khoản



Biểu 2.6: Trích trang Sổ cái tài khoản 131

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

Tài khoản: 131 - Phải thu khách hàng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh		Ghi chú
	Ngày, tháng	Số hiệu			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	F
			Số dư đầu kỳ		452.000.000		
02/01	02/01	BH 00001	Phải thu của công ty CP đầu tư và chuyển giao KHCN	5113	120.000.000		
				3331	12.000.000		
14/01	14/01	BC001	Thu tiền của công ty IBOSS	11212		352.000.000	
29/01	29/01	BH 00004	Phải thu của công ty TNHH TM và XD Anh Tùng	5113	100.000.000		
				3331	10.000.000		
02/02	02/02	BC004	Công ty Nervipharm thanh toán tiền	11212		132.000.000	
....	
12/02	12/02	BH 00010	Phải thu của công ty CP khai thác và chế biến khoáng sản Bắc Giang	5113	13.000.000		
				3331	1.300.000		
18/02	18/02	PT012	Thu tiền của Công ty CP đầu tư và chuyển giao KHCN	1111		15.000.000	
18/02	18/02	BC011	Thu tiền của TNHH TM và XD Anh Tùng	11212		65.000.000	
.....	
			Cộng phát sinh trong kỳ		1.280.000.000	1.443.000.000	
			Số dư cuối kỳ		289.000.000		

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ Phần ISEA)

Biểu 2.7: Trích trang Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ISEA

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: *Phải thu khách hàng*. Số hiệu: 131. Năm: 2015

STT	Mã KH	Tên khách hàng	Số đầu kỳ		Số phát sinh		Số cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	IBOSS	Công ty Cổ phần IBOSS Việt Nam	352.000.000			352.000.000		
2	NVP	Công ty TNHH giải pháp sức khỏe cộng đồng Nevipharm	21.000.000		196.600.000	132.000.000	85.600.000	
3	KHCN	Công ty CP đầu tư và chuyển giao Khoa học công nghệ			137.700.000	123.200.000	14.500.000	
4	XDAT	Công ty TNHH thương mại và XD Anh Tùng	34.000.000		110.000.000	144.000.000		
5	KSBG	Công ty CP khai thác và chế biến khoáng sản Bắc Giang	22.000.000		166.600.000	146.300.000	42.300.000	
6	CT-HH	Công ty TNHH Hoàng Hiền			14.300.000	14.300.000		
		
Tổng			452.000.000		1.280.000.000	1.443.000.000	289.000.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lãnh đạo đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: PKT Công ty Cổ phần ISEA)

Biểu 2.8: Trích trang Sổ cái tài khoản 331

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

Tài khoản: 331 - Phải trả người bán

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh		Ghi chú
	Ngày, tháng	Số hiệu			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	F
			Số dư đầu kỳ			222.530.000	
....	
14/3	14/3	HĐ GTGT 0000586	Phải trả công ty TNHH DIGISTAR cung cấp tên miền	154 133		230.636.812 23.063.681	
12/4	12/4	HĐ GTGT 0002356	Phải trả công ty Cổ phần viễn thông FPT cung cấp Web Hosting	154 133		125.657.079 12.565.708	
25/6	25/6	BN039	Chuyển khoản trả nợ DIGISTAR	112	50.000.000		
24/6	24/6	HĐ GTGT 0001643	Công ty Cổ phần Anh Đức cung cấp Cloud Hosting	154 133		220.574.335 22.057.434	
28/7	28/7	BN0046	Chuyển khoản trả công ty FPT	112	138.222.787		
....	
			Cộng phát sinh trong kỳ		440.676.443	1.030.061.816	
			Số dư cuối kỳ			811.915.373	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ Phần ISEA)

Biểu 2.9: Trích trang Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người bán

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ISEA

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: *Phải trả người bán.* Số hiệu: 331. Năm: 2015

STT	Mã nhà cung cấp	Tên nhà cung cấp	Số đầu kỳ		Số phát sinh		Số cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	
3	DIGI	Công ty TNHH DIGISTAR		32.000.000	85.000.000	253.700.493		100.700.493
4	FPT	Công ty Cổ phần viễn thông FPT		62.530.000	108.222.787	218.022.776		172.329.989
5	AD	Công ty Cổ phần Anh Đức		58.000.000	192.631.769	242.631.769		108.000.000
	
Tổng cộng				222.530.000	440.676.443	1.030.061.816		811.915.373

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lãnh đạo đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

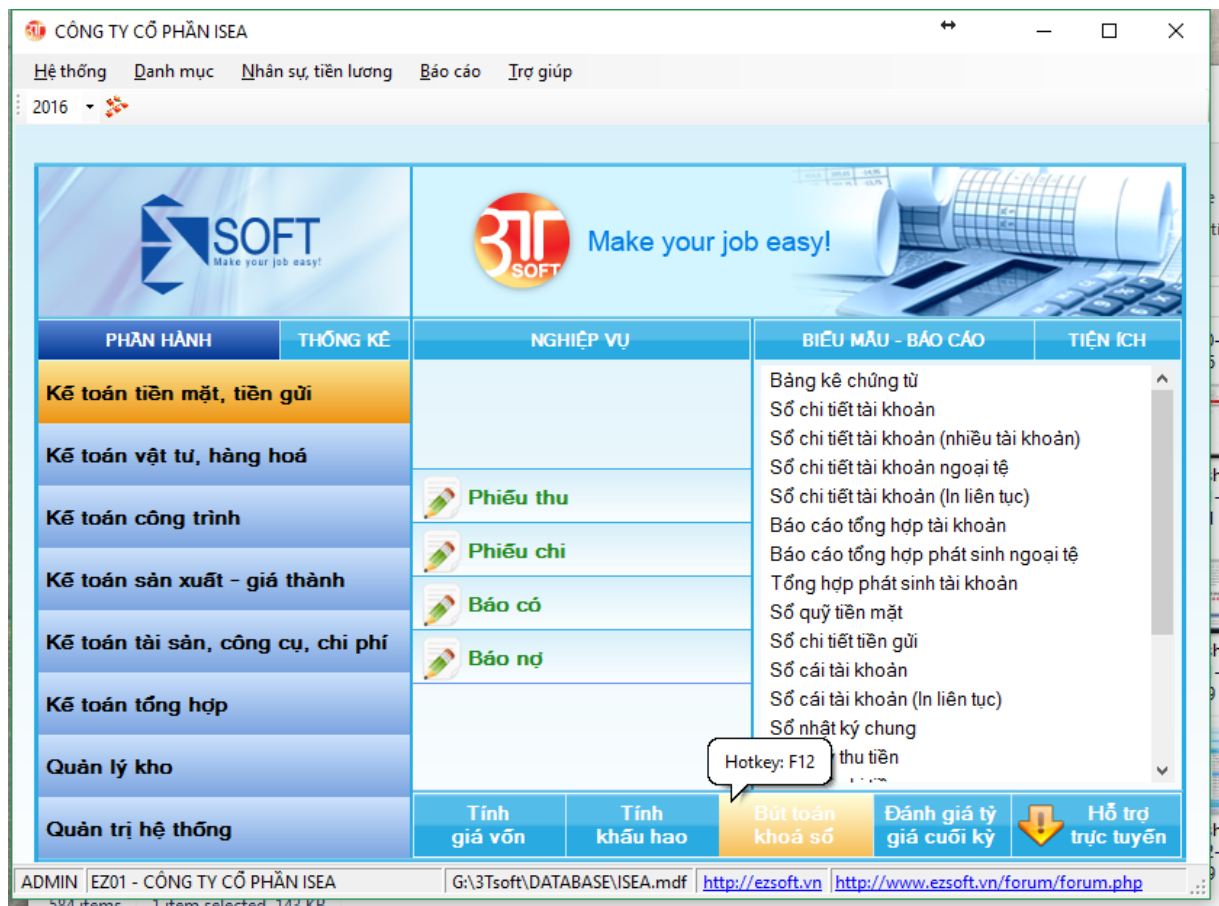
(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ Phần ISEA)

Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển và khóa sổ kế toán chính thức

Bút toán kết chuyển sẽ được kế toán thực hiện vào cuối kỳ kế toán của công ty. Để thực hiện bút toán kết chuyển kế toán thực hiện thao tác như sau:

Mở phần mềm kế toán 3T Soft, chọn “Bút toán khoá sổ” (Hình 2.7), sau đó giao diện của bút toán khoá sổ hiện lên (Hình 2.8), kế toán sẽ thực hiện chọn các mục để kết chuyển.

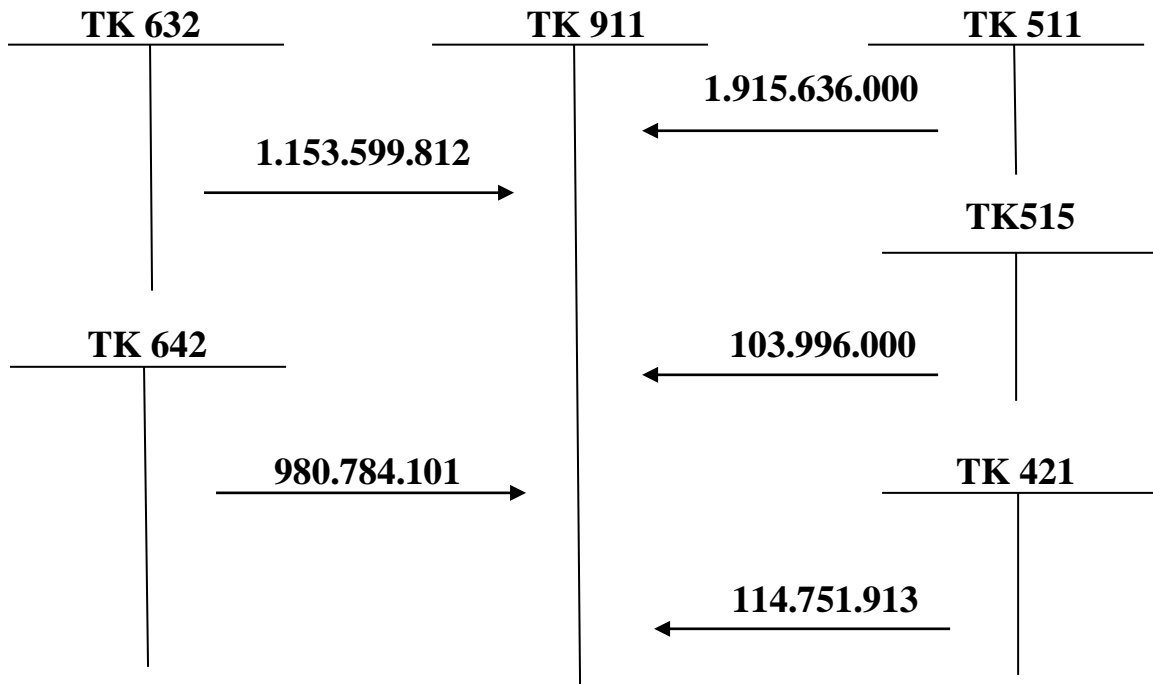
Hình 2.7 Giao diện chọn bút toán khoá sổ trên phần mềm 3T Soft



Hình 2.8 Giao diện Bút toán khoá sổ để chọn các mục kết chuyển

Số thứ tự	Tài khoản đi	Tên tài khoản đi	Tài khoản đến	Tên tài khoản đến	Diễn giải
01	1331	Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	33311	Thuế GTGT đầu ra	Kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ
05	3331	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1331	Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	Kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ
10	5211	Chiết khấu thương mại	5111	Doanh thu bán hàng hoá	Kết chuyển chiết khấu thương mại
15	5212	Hàng bán bị trả lại	5111	Doanh thu bán hàng hoá	Kết chuyển hàng bán bị trả lại
20	5213	Giảm giá hàng bán	5111	Doanh thu bán hàng hoá	Kết chuyển giảm giá hàng bán
22	512	Doanh thu bán hàng nội bộ	911	Xác định kết quả kinh doanh	Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ
25	511	Doanh thu bán hàng	911	Xác định kết quả kinh doanh	Kết chuyển doanh thu
27	632	Giá vốn hàng bán	911	Xác định kết quả kinh doanh	Kết chuyển giá vốn hàng bán
30	635	Chi phí hoạt động tài chính	911	Xác định kết quả kinh doanh	Kết chuyển chi phí tài chính
31	6421	Chi phí bán hàng	911	Xác định kết quả kinh doanh	Kết chuyển chi phí bán hàng
33	6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	Xác định kết quả kinh doanh	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp
35	515	Thu nhập hoạt động tài chính	911	Xác định kết quả kinh doanh	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
40	711	Thu nhập khác	911	Xác định kết quả kinh doanh	Kết chuyển thu nhập khác
45	811	Chi phí khác	911	Xác định kết quả kinh doanh	Kết chuyển chi phí khác
50	911	Xác định kết quả kinh doanh	4212	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	Kết chuyển lãi, lỗ


Dưới đây là bút toán kết chuyển trung gian các tài khoản để xác định kết quả kinh doanh (Sơ đồ 2.4):



Sơ đồ 2.4: Các bút toán kết chuyển trung gian tại Công ty Cổ phần ISEA

Bước 4: Lập Bảng cân đối số phát sinh

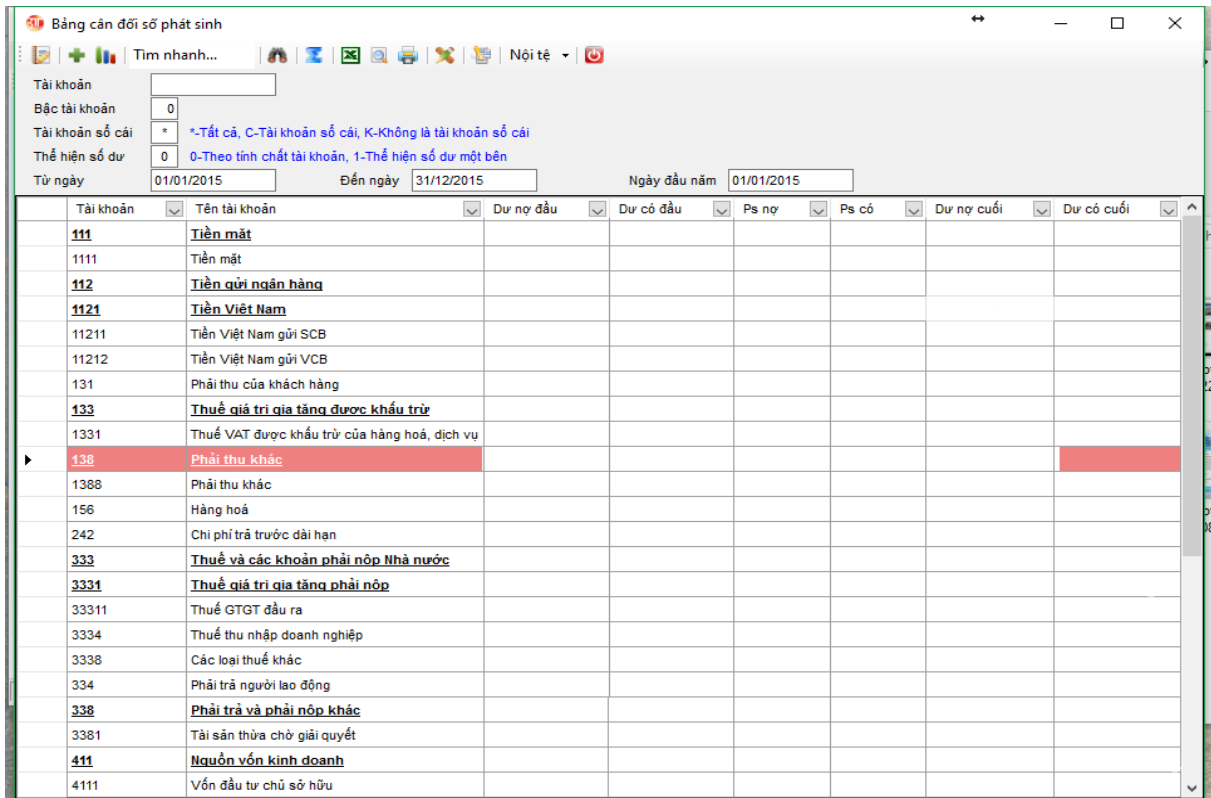
Để lập Bảng cân đối số phát sinh kế toán thực hiện thao tác như sau:

Mở phần mềm kế toán 3T Soft, vào phân hệ “Quản trị hệ thống”, chọn “Bảng cân đối số phát sinh” (Hình 2.9). Sau đó giao diện của bảng hiện lên chọn thời gian “Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015” (Hình 2.10). Cuối cùng chọn biểu tượng in  trên thanh công cụ để in Bảng cân đối số phát sinh (Biểu 2.10- Biểu rút gọn)

Hình 2.9 Giao diện chọn BCĐSPS trên phần mềm 3T Soft



Hình 2.10 Giao diện chọn thời gian trên BCĐSPS



Biểu 2.10: Bảng cân đối số phát sinh của công ty Cổ phần ISEA năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Từ ngày: 01/01/2015 đến ngày: 31/12/2015

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Tên Tài khoản	Số hiệu	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Tiền mặt tại quỹ	111	167,374,600		984,000,000	833,170,428	318,204,172	
2	Tiền gửi Ngân hàng	112	978,098,000		1,592,523,996	892,545,212	1,678,076,784	
3	Phải thu của khách hàng	131	452,000,000		1,280,000,000	1,443,000,000	289,000,000	
4	Thuế GTGT được khấu trừ	133			11,548,554	11,548,554		
5	Phải thu khác	138	1,820,000,000				1,820,000,000	
6	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	154	68,500,000		1,139,394,130	1,153,599,812	54,294,318	
7	Chi phí trả trước dài hạn	242	76,388,104		112,722,955	103,945,621	85,165,438	
8	Phải trả người bán	331		222,530,000	440,676,443	1,030,061,816		811,915,373
9	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	333		28,625,399	50,613,794	23,364,000		1,375,605
10	Phải trả công nhân viên	334		37,890,000	471,200,000	433,310,000		
11	Phải trả, phải nộp khác	338		268,427,020		277,774,627		546,201,647

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA

12	Vốn chủ sở hữu	411		3,000,000,000				3,000,000,000
13	Lợi nhuận chưa phân phối	421		4,888,285	119,640,198		114,751,913	
14	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511			1,915,636,000	1,915,636,000		
15	Doanh thu hoạt động tài chính	515			103,996,000	103,996,000		
16	Giá vốn hàng bán	632			1,153,599,812	1,153,599,812		
17	Chi phí quản lý kinh doanh	642			980,784,101	980,784,101		
18	Xác định kết quả kinh doanh	911			2,134,383,913	2,134,383,913		
19	Tổng cộng		3,562,360,704	3,562,360,704	12,490,719,896	12,490,719,896	4,359,492,625	4,359,492,625

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc


(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

Lê Mạnh Toàn

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ Phần ISEA)

Bước 5: Lập Bảng cân đối kế toán

Các thao tác để lập Bảng cân đối kế toán như sau:

Mở phần mềm kế toán 3T Soft, vào phân hệ “Quản trị hệ thống”, chọn “Bảng cân đối kế toán” (Hình 2.11). Sau đó giao diện của bảng hiện lên chọn ngày lập, ngày đầu năm là 01/01/2015 (Hình 2.12). Cuối cùng chọn biểu tượng in  trên thanh công cụ để in Bảng cân đối kế toán (Biểu 2.11).

Hình 2.11 Giao diện chọn BCDKT trên phần mềm 3T Soft



Hình 2.12 Giao diện chọn thời gian trên BCĐKT

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100			
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	III.01		
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	III.05		
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			
1. Phải thu khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Các khoản phải thu khác	138			
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141	III.02		
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			
1. Thuế GTGT được khấu trừ	151			
2. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	152			
3. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240)	200			
I. Tài sản cố định	210	III.03.04		
1. Nguyên giá	211			
2. Giá trị hao mòn lũy kế	212			
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213			
II. Bất động sản đầu tư	220			
1. Nguyên giá	221			
2. Giá trị hao mòn lũy kế	222			
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230	III.05		

Công ty ISEA đã hoàn thành Bảng cân đối kế toán năm 2015 (Biểu 2.11).

Bước 6: Kiểm tra, ký duyệt

Sau khi lập xong Bảng cân đối kế toán năm 2015, kế toán trưởng kiểm tra lại, sau đó in ra và cuối cùng. Bảng cân đối kế toán và các báo cáo tài chính khác sẽ được kế toán trưởng trình lên Giám đốc xem xét và ký duyệt. Như vậy, công tác lập Bảng cân đối kế toán của công ty Cổ phần ISEA đã được hoàn tất.

Biểu 2.11: Bảng cân đối kế toán của công ty Cổ phần ISEA năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4,159,575,274	3,485,972,600
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	III.01	1,996,280,956	1,145,472,600
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	III.05	-	-
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2,109,000,000	2,272,000,000
1. Phải thu của khách hàng	131		289,000,000	452,000,000
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Các khoản phải thu khác	138		1,820,000,000	1,820,000,000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		54,294,318	68,500,000
1. Hàng tồn kho	141	III.02	54,294,318	68,500,000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152		-	-
3. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240)	200		85,165,438	76,388,104
I. Tài sản cố định	210	III.03.04	-	-
1. Nguyên giá	211		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	212		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213		-	-
II. Bất động sản đầu tư	220		-	-
1. Nguyên giá	221		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230	III.05	-	-
1. Đầu tư tài chính dài hạn	231		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	239		-	-

IV. Tài sản dài hạn khác	240		85,165,438	76,388,104
1. Phải thu dài hạn	241		-	-
2. Tài sản dài hạn khác	248		85,165,438	76,388,104
3. Dự phòng phải thu dài hạn (*)	249		-	-
TỔNG TÀI SẢN (250 = 100 + 200)	250		4,244,740,712	3,562,360,704
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1,359,492,625	557,472,419
I. Nợ ngắn hạn	310		1,359,492,625	557,472,419
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		811,915,373	222,530,000
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.16	1,375,605	28,625,399
5. Phải trả người lao động	315		-	37,890,000
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318		546,201,647	268,427,020
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
9. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	327		-	-
10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Vay và nợ dài hạn	331		-	-
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	332		-	-
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	334		-	-
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	336		-	-
5. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	338		-	-
6. Dự phòng phải trả dài hạn	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2,885,248,087	3,004,888,285
I. Vốn chủ sở hữu	410	III.07	2,885,248,087	3,004,888,285
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3,000,000,000	3,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		(114,751,913)	4,888,285
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4,244,740,712	3,562,360,704

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại	-	-

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
Lê Mạnh Toàn

2.2.2: Thực trạng công tác phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA

Công ty Cổ phần ISEA mới chỉ hoàn thành công tác lập mà chưa tiến hành thực hiện công tác phân tích Bảng cân đối kế toán.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ISEA

3.1: Một số định hướng phát triển của công ty Cổ phần ISEA trong thời gian tới

Nền kinh tế ngày càng phát triển mạnh mẽ cũng với những yêu cầu nghiêm ngặt của quá trình hội nhập và thách thức, biến động mà công ty Cổ phần ISEA đã có những định hướng cụ thể trong thời gian tới như sau:

- Đẩy mạnh hiệu quả kinh doanh và mở rộng thị trường hơn nữa.
- Giữ gìn và duy trì tốt quan hệ với khách hàng truyền thống. Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu thị trường và cập nhật thông tin nhằm mục đích phát triển thêm khách hàng mới cần được đẩy mạnh.
- Khai thác và sử dụng hiệu quả các loại nguồn vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của công ty.
- Thực hiện tốt các cam kết đã ký kết trong hợp đồng mua bán, hợp đồng tín dụng với các tổ chức trong mọi thành phần kinh tế.
- Tăng cường giám sát tiết kiệm trong kinh doanh, tập trung cho những nhu cầu quan trọng và tăng cường công tác tham mưu cho Giám đốc để ra những quyết định phù hợp.
- Chú trọng công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ nhân viên, không ngừng đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên, bên cạnh đó cần tuyển thêm một số lao động mới để đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh của công ty...

3.2: Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập, phân tích Bảng cân đối kế toán nói riêng tại công ty Cổ phần ISEA

3.2.1: Ưu điểm trong công tác kế toán và công tác lập, phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA

❖ Về tổ chức bộ máy quản lý:

- Bộ máy quản lý của công ty gọn nhẹ, thống nhất, thuận lợi cho việc phân công nhiệm vụ và Giám đốc có thể giám sát được toàn bộ hoạt động của công ty.
- Các phòng ban hoạt động nhịp nhàng, hoàn thành đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, tham mưu và giúp việc cho Giám đốc bằng lĩnh vực, chuyên

môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó còn hỗ trợ, giúp đỡ các phòng ban khác hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

❖ *Về tổ chức bộ máy kế toán:*

- Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung, phù hợp với quy mô và đặc điểm kinh doanh của công ty giúp các kế toán của công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phát huy được trình độ, khả năng của các kế toán viên.

- Các kế toán viên chịu sự kiểm tra, quản lý trực tiếp của kế toán trưởng. Ngoài ra, kế toán trưởng luôn hỗ trợ, giúp đỡ các kế toán viên nâng cao chuyên môn và năng lực bản thân. Chính vì vậy đã giúp cho các kế toán viên nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc, đảm bảo công việc một cách hiệu quả.

- Công tác kế toán của công ty đã đảm bảo được sự kiểm tra, chỉ đạo của kế toán trưởng cũng như của ban lãnh đạo công ty đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Ban lãnh đạo công ty luôn theo dõi sát sao hoạt động của bộ máy kế toán. Ngoài ra, ban lãnh đạo công ty cũng quan tâm đầu tư thêm phương tiện hỗ trợ cho phòng kế toán như: trang bị máy vi tính cho từng cán bộ, nhân viên; sử dụng phần mềm kế toán 3T Soft nhằm giảm bớt gánh nặng cho kế toán viên, góp phần nâng cao hiệu quả làm việc của bộ máy kế toán.

- Công ty đã áp dụng các chính sách, chế độ kế toán phù hợp với năng lực và điều kiện kỹ thuật tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Hiện nay công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Việc sử dụng phần mềm kế toán đã hỗ trợ cho công việc của kế toán viên được gọn nhẹ hơn. Công tác ghi chép, lưu trữ chứng từ cũng hiệu quả, tiết kiệm hơn. Việc kiểm tra số liệu được tiến hành thường xuyên, đảm bảo số liệu chính xác, kịp thời phục vụ yêu cầu quản lý của công ty.

- Bộ phận kế toán không chỉ làm tốt công tác kế toán tại công ty mà còn kết hợp với các phòng ban khác giúp cho hoạt động của công ty được thống nhất, hiệu quả, tạo môi trường làm việc lành mạnh.

❖ *Về công tác lập Bảng cân đối kế toán.*

- Việc lập Báo cáo tài chính nói chung và Bảng cân đối kế toán của công ty nói riêng được lên kế hoạch cụ thể, tuân thủ chế độ hiện hành của Bộ Tài chính, đảm bảo quy cách trình bày cũng như các chỉ tiêu theo quyết định

48/2006/QĐ-BTC, sửa đổi, bổ sung theo thông tư 138/2011/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Trước khi tiến hành lập Bảng cân đối kế toán, kế toán đã tiến hành kiểm tra chứng từ, số liệu đảm bảo chính xác về nội dung và số liệu của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán. Công việc kiểm tra tính chính xác, trung thực của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tiến hành thường xuyên, liên tục. Đây là một trong những yếu tố quan trọng giúp cho công tác lập Bảng cân đối kế toán của công ty được nhanh chóng, chính xác và phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong kỳ kế toán.

- Công tác lập Bảng cân đối kế toán được lên kế hoạch cụ thể và được phân chia thành từng bước rõ ràng.

- Việc sử dụng phần mềm kế toán đã giúp cho công tác lập Bảng cân đối kế toán được đảm bảo chính xác, nhanh chóng, trung thực và phản ánh đúng tình hình tài chính của công ty trong kỳ kế toán.

3.2.2: Hạn chế trong công tác kế toán và công tác lập, phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA

❖ Về công tác kế toán

- Kế toán trưởng là người phải trực tiếp kiểm tra, đối chiếu sổ sách kế toán, đảm bảo sự chính xác, trung thực trong quá trình lập Báo cáo tài chính cũng như lập Bảng cân đối kế toán tại công ty, chính vì thế nên khối lượng công việc của kế toán trưởng tương đối lớn.

- Đội ngũ kế toán của công ty còn khá trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm cũng như kỹ năng làm việc chưa vững vàng.

❖ Về công tác phân tích Bảng cân đối kế toán

Sau khi lập Báo cáo tài chính, công ty chưa tiến hành phân tích Báo cáo tài chính nói chung cũng như Bảng cân đối kế toán nói riêng nên chưa thấy rõ được tình hình tài chính, tình hình biến động về tài sản và nguồn vốn của công ty. Vì vậy, các quyết định của nhà quản lý đưa ra chưa có cơ sở, căn cứ, không thấy được các nguy cơ tài chính tiềm ẩn, xu hướng biến động trong tương lai của công ty.

3.3. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác lập, phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA

Phân tích Báo cáo tài chính nói chung cũng như Bảng cân đối kế toán nói riêng giúp ích rất nhiều cho công tác quản lý công ty của các nhà quản trị, nó chỉ

ra những điểm mạnh, điểm yếu trong tình hình tài chính hiện tại của công ty để từ đó giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn, những kế hoạch hợp lý trong việc tạo lập và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn và sử dụng vốn cũng như tình hình tài sản của công ty trong tương lai.

Bảng cân đối kế toán là thông tin quan trọng không chỉ đối với nhà quản lý, nhà nước, các nhà đầu tư hiện tại và đầu tư tiềm năng của doanh nghiệp... Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán, có thể biết được mối quan hệ của các chỉ tiêu trong đó, khả năng, tiềm lực đánh giá khái quát chung tình hình tài chính của doanh nghiệp của doanh nghiệp từ đó đưa ra được các quyết định tài chính phù hợp.

Phân tích Bảng cân đối kế toán sẽ cung cấp thông tin về nguồn vốn, tài sản, hiệu quả sử dụng vốn, tài sản trong doanh nghiệp để các nhà quản lý tìm ra những tồn tại, nguyên nhân để có các biện pháp khắc phục kịp thời, phù hợp với tình hình kinh doanh của doanh nghiệp và các nhà đầu tư dễ dàng đưa ra quyết định đầu tư đối với bản thân doanh nghiệp.

Tại công ty Cổ phần ISEA, công tác phân tích Báo cáo Tài chính nói chung và Bảng cân đối kế toán nói riêng chưa được chú trọng. Do đó, công ty cần hoàn thiện công tác này để đáp ứng yêu cầu của nhà quản lý và các nhà đầu tư.

3.4: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA.

Sau 6 tuần thực tập tại công ty Cổ phần ISEA, được tiếp xúc với môi trường kế toán thực tế em nhận thấy công tác kế toán tại công ty đã cơ bản tuân thủ theo đúng quy định và chế độ hiện hành, phù hợp với quy mô và tình hình kinh doanh của công ty.

Trên cơ sở những tồn tại của công ty, bản thân em còn là sinh viên khi kết hợp với kiến thức đã học vận dụng vào thực tế công tác kế toán, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty Cổ phần ISEA nói chung và công tác lập, phân tích Bảng cân đối kế toán nói riêng nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính của công ty.

Cụ thể như sau:

3.4.1: Ý kiến đề xuất thứ nhất: Công ty nên nâng cao trình độ, kỹ năng cho các kế toán viên.

Nhân tố con người luôn là nhân tố tiên quyết cho bất kỳ lĩnh vực cũng như hoạt động nào, đây là nhân tố quyết định đến chất lượng và hiệu quả công

việc mang lại. Muốn phát huy tốt nhân tố con người cần phải có sự đầu tư, quan tâm đúng mức.

Tại công ty Cổ phần ISEA thì năng lực của nhân viên phòng kế toán còn nhiều hạn chế. Phòng kế toán có 3 kế toán nhưng trong đó chỉ có kế toán trưởng là có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng và có khả năng lập Báo cáo tài chính, còn lại các kế toán viên khác còn khá trẻ, trình độ chuyên môn chưa cao, kinh nghiệm và kỹ năng làm việc còn yếu, dẫn đến sự kết hợp giữa các phần hành kế toán thiếu nhịp nhàng, tính chính xác chưa được đảm bảo.

Để nâng cao trình độ cho cán bộ, nhân viên kế toán thì công ty cần phải chú trọng công tác nâng cao năng lực cho các kế toán viên bằng những giải pháp thiết thực, có thể như:

- Cử nhân viên kế toán có trình độ cao đẳng và nhân viên còn yếu về chuyên môn đi học các lớp đào tạo nâng cao, các khóa tập huấn của các trung tâm giáo dục thuộc các trường Đại học chuyên ngành, các trung tâm kế toán uy tín nhằm hoàn thiện toàn diện kiến thức kế toán để các kế toán viên có thể hỗ trợ các phần hành kế toán của nhau.

- Hoặc công ty nên tuyển mới một người có khả năng lập và phân tích Báo cáo tài chính để hỗ trợ, giúp đỡ cho kế toán trưởng, giúp cho công việc kế toán được nhanh chóng, hiệu quả. Kế toán viên này cùng với kế toán trưởng phân tích Báo cáo tài chính để có thể đánh giá được toàn diện hơn về tình hình tài chính của công ty, để từ đó có thể đưa ra được các giải pháp phát huy các thế mạnh đồng thời khắc phục những hạn chế ở kỳ kế toán tiếp theo, giúp cho ban lãnh đạo công ty có những thông tin tài chính hữu ích, quản lý tốt tài sản, sử dụng hiệu quả nguồn vốn và đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn. Kịp thời tiếp nhận những thay đổi của chính sách kế toán và các chuẩn mực kế toán mới mà Bộ Tài chính ban hành. Đồng thời phải nắm vững kiến thức về pháp luật và các chính sách tài chính thông qua các thông tin từ các nguồn liên quan.

- Công ty tuyển thêm nhân sự làm về Hành chính - Tổng hợp hoặc tách riêng phòng Hành chính - Tổng hợp để giảm bớt công việc cho phòng kế toán và để cho các kế toán viên chuyên môn hoá công việc kế toán.

3.4.2: Ý kiến đề xuất thứ hai: Công ty nên tổ chức công tác phân tích Bảng cân đối kế toán

Việc phân tích tình hình tài chính nói chung, Bảng cân đối kế toán nói riêng sẽ giúp ban quản lý nắm bắt rõ tình hình và năng lực tài chính của công ty,

cũng như đưa ra những quyết định đúng đắn và phù hợp cho quản lý. Để nâng cao tính hiệu quả trong công tác quản lý công ty, Ban lãnh đạo công ty cùng kế toán trưởng nên lập kế hoạch phân tích Báo cáo tài chính định kỳ.

Từ việc phân tích Báo cáo tài chính, ban lãnh đạo công ty có cái nhìn khái quát về tình hình tài chính của công ty để từ đó đưa ra các quyết định, giải pháp phù hợp với tình hình hiện tại để đảm bảo hiệu quả đồng vốn của công ty, xây dựng chiến lược phát triển lâu dài, lớn mạnh.

Vì vậy, khi tiến hành phân tích Báo cáo tài chính nói chung và Bảng cân đối kế toán nói riêng, kế toán cần phải có kế hoạch phân tích rõ ràng, cụ thể:

Bước 1: Lập kế hoạch phân tích:

* *Xác định mục tiêu phân tích:* Công ty cần xác định mục tiêu rõ ràng và cụ thể cho việc phân tích Bảng cân đối kế toán để từ đó xây dựng chương trình phân tích cho công ty. Chương trình phân tích càng chi tiết thì hiệu quả mang lại càng cao.

* *Tài liệu cho việc phân tích:* Chủ yếu dựa vào Bảng cân đối kế toán, liên hệ giữa Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty tại thời điểm phân tích.

* *Nội dung phân tích:* Nội dung phân tích có thể bao gồm:

- Phân tích cơ cấu tài sản và sự biến động của tài sản.
- Phân tích cơ cấu nguồn vốn và sự biến động của nguồn vốn.
- Phân tích các chỉ số tài chính đặc trưng:

+ Xác định chỉ tiêu cần phân tích: Bảng cân đối kế toán.

+ Xác định rõ thời gian mà chỉ tiêu phân tích phát sinh và hình thành.

+ Xác định rõ khoảng thời gian bắt đầu và kết thúc quá trình phân tích.

+ Xác định nguồn số liệu phân tích, chi phí và người thực hiện phân tích.

- Lựa chọn hệ thống phương pháp phân tích sao cho phù hợp với công ty và đáp ứng được nhu cầu phân tích của công ty.

Bước 2: Tiến hành phân tích:

Xử lý tài liệu sưu tầm được, lập bảng phân tích số liệu, tính toán các chỉ tiêu, so sánh các chỉ tiêu đó qua các năm.

Trên cơ sở các phương pháp phân tích đã lựa chọn ở Bước 1, kế toán tiến hành phân tích theo kế hoạch đã dự kiến. Sau khi phân tích, dựa vào kết quả nhận được, tiến hành lập bảng đánh giá tổng hợp, đánh giá chi tiết và rút ra

những nhận xét, đánh giá thành tích đạt được và những tồn tại cần khắc phục trong hoạt động tài chính của công ty từ kết quả phân tích đó.

Bước 3: Báo cáo kết quả phân tích:

Báo cáo phân tích bao gồm:

- Đánh giá được ưu - nhược điểm chủ yếu trong công tác quản lý của công ty.
- Chỉ ra được những nguyên nhân cơ bản đã tác động đến kết quả đó.
- Nêu được các biện pháp cụ thể để cải tiến công tác đã qua, động viên khai thác khả năng tiềm tàng trong kỳ tới.

Để phân tích kỹ và bao quát hơn, đánh giá được toàn diện tình hình tài chính của công ty, công ty nên thực hiện các nội dung phân tích sau:

3.4.2.1: Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản tại công ty

Tài sản trong doanh nghiệp chiếm một vị trí rất quan trọng, nó thể hiện năng lực hiện tại và tương lai của doanh nghiệp. Tài sản nhiều hay ít, tăng hay giảm, phân bổ cho từng khâu của quá trình kinh doanh hợp lý hay không sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Do đó, việc phân tích Bảng cân đối kế toán sẽ cho thấy tình hình phân bổ tài sản của doanh nghiệp đã hợp lý hay chưa. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán năm 2015, kế toán có thể lập được bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu của tài sản như sau (Biểu 3.1):

Biểu 3.1: BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU TÀI SẢN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ISEA

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch (±)		Tỷ trọng (%)	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm	Số cuối năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	3,485,972,600	4,159,575,274	673,602,674	+19.32	97.86	97.99
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1,145,472,600	1,996,280,956	850,808,356	+74.28	32.15	47.03
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	2,272,000,000	2,109,000,000	(163,000,000)	-7.17	63.78	49.69
IV. Hàng tồn kho	68,500,000	54,294,318	(14,205,682)	-20.74	1.92	1.28
V. Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	-	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	76,388,104	85,165,438	8,777,334	+11.49	2.14	2.00
I. Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-
II. Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	76,388,104	85,165,438	8,777,334	+11.49	2.14	2.00
TỔNG TÀI SẢN	3,562,360,704	4,244,740,712	682,380,008	+19.16	100	100

Nhận xét:

Từ bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản (Biểu 3.1), ta có một số nhận xét sau: Tổng tài sản của công ty Cổ phần ISEA cuối năm so với đầu năm tăng lên **682,380,008** đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng **19.16%**. Tổng tài sản của công ty cuối năm so với đầu năm tăng lên là do sự thay đổi của hai chỉ tiêu lớn là “*Tài sản ngắn hạn*” và “*Tài sản dài hạn*”. Ta cần đi sâu phân tích đối với từng loại, từng chỉ tiêu tài sản để đánh giá chính xác quy mô và cơ cấu tài sản có hợp lý không.

- *Về tài sản ngắn hạn:*

Tài sản ngắn hạn của công ty Cổ phần ISEA cuối năm so với đầu năm tăng lên **673,602,674** đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng **19.32%**, cụ thể là:

- Tiền và các khoản tương đương tiền của công ty cuối năm so với đầu năm tăng **850,808,356** đồng tương ứng tỷ lệ tăng **74.28%**; tỷ trọng tiền và các khoản tương đương tiền trong tổng tài sản cuối năm so với đầu năm tăng **14.88%**. Công ty tránh để tồn quỹ quá nhiều tiền, giảm hiệu quả sử dụng vốn, nên sử dụng tiền của doanh nghiệp một cách linh hoạt hơn nữa.

- Các khoản phải thu ngắn hạn cuối năm so với đầu năm giảm **163,000,000** đồng tương ứng tỷ lệ giảm **7.17%**; tỷ trọng các khoản phải thu ngắn hạn trong tổng tài sản cuối năm so với đầu năm giảm **14.09%**. Từ số liệu ta thấy năm 2015 công ty thu hồi được **163,000,000** đồng: tỷ trọng đầu năm **63.78%**, cuối năm **49.69%** vẫn còn chiếm tỷ trọng cao. Như vậy gần 50% tài sản của công ty bị khách hàng chiếm dụng. Doanh nghiệp cần phải đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ.

Hàng tồn kho cuối năm so với đầu năm giảm **14,205,682** đồng tương ứng tỷ lệ giảm **20.74%**; tỷ trọng hàng tồn kho trong tổng tài sản cuối năm so với đầu năm giảm **0.64**.

- *Về tài sản dài hạn:*

Tài sản dài hạn của công ty Cổ phần ISEA cuối năm so với đầu năm tăng lên **8,777,334** đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng **11.49 %**, là do sự tăng lên của tài sản dài hạn khác; tỷ trọng tài sản dài hạn khác trong tổng tài sản cuối năm so với đầu năm giảm **0.14 %**.

3.4.2.2 Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn tại công ty

Tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn tại công ty ảnh hưởng rất lớn tới khả năng tự đảm bảo về mặt tài chính, mức độ tự chủ trong kinh doanh cũng như các khó khăn mà công ty có thể gặp phải trong tương lai.

Giống như phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản, để phân tích nội dung này ta cũng căn cứ vào Bảng cân đối kế toán năm 2015.

Ta có bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn của công ty Cổ phần ISEA năm 2015 (Biểu 3.2).

Nhận xét:

Từ số liệu biểu 3.2 ta thấy nguồn vốn của công ty Cổ phần ISEA tăng so với đầu năm là **682,380,008** đồng, tương ứng tỷ lệ tăng **19.16%**. Sự thay đổi nguồn vốn này chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi hai yếu tố: “*Nợ phải trả*” và “*Nguồn vốn chủ sở hữu*”. Đi sâu vào phân tích từng chỉ tiêu trong Tổng nguồn vốn ta thấy:

- *Nợ phải trả*

Nợ phải trả của công ty Cổ phần ISEA cuối năm so với đầu năm tăng lên **802,020,206** đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng **143.87 %**, là do Nợ ngắn hạn; tỷ trọng nợ ngắn hạn trong tổng nguồn vốn cuối năm so với đầu năm tăng **16.38%**. Số liệu trên cho thấy mức độ phụ thuộc tài chính tăng.

Với tỷ trọng Nợ phải trả tăng trong cơ cấu tổng nguồn vốn điều đó cho thấy trong năm 2015, công ty ISEA có sử dụng nguồn vốn đi chiếm dụng.

- *Nguồn vốn chủ sở hữu*

Vốn chủ sở hữu cuối năm so với đầu năm giảm xuống **119,640,198** đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm **3.98%**, tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn cuối năm so với đầu năm giảm **16.38%**.

Xem xét tình hình sử dụng vốn của công ty trong năm vừa qua:

$$\begin{aligned} \text{Nguồn vốn dài hạn} &= \text{Nợ dài hạn} + \text{Vốn chủ sở hữu} \\ &= 0 + 2,885,248,087 = 2,885,248,087 \\ \text{Tài sản dài hạn} &= 85,165,438 \end{aligned}$$

Biểu 3.2: BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ISEA

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch(±)		Tỷ trọng (%)	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm	Số cuối năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	557,472,419	1,359,492,625	802,020,206	+143.87	15.65	32.03
I. Nợ ngắn hạn	557,472,419	1,359,492,625	802,020,206	+143.87	15.65	32.03
II. Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	3,004,888,285	2,885,248,087	(119,640,198)	-3.98	84.35	67.97
I. Vốn chủ sở hữu	3,004,888,285	2,885,248,087	(119,640,198)	-3.98	84.35	67.97
TỔNG NGUỒN VỐN	3,562,360,704	4,244,740,712	682,380,008	+19.16	100	100

Như vậy, Nguồn vốn dài hạn đã lớn hơn rất nhiều so với Tài sản dài hạn, điều đó cho thấy công ty đã sử dụng đúng nguyên tắc sử dụng vốn trong kinh doanh. Nguồn vốn dài hạn không những đủ tài trợ cho tài sản dài hạn mà còn dư thừa sử dụng trong ngắn hạn. Tình hình tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo nguyên tắc cân bằng tài chính và đảm bảo ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.4.2.3 Phân tích khả năng thanh toán tại công ty

Phân tích khả năng thanh toán của công ty giúp nhà quản lý và nhà đầu tư thấy được hiệu quả của hoạt động tài chính của công ty. Đảm bảo cho công ty luôn có đủ vốn để thanh toán đúng hạn các nghĩa vụ tài chính, đảm bảo sức mạnh tài chính của công ty. Để phân tích chỉ tiêu này, ta tiến hành phân tích căn cứ theo bảng phân tích khả năng thanh toán của công ty dưới đây (Biểu 3.3):

Biểu 3.3: Bảng phân tích khả năng thanh toán tại công ty Cổ phần ISEA

STT	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm	Chênh lệch (±)
1	Hệ số khả năng thanh toán tổng quát (= Tổng Tài sản / Nợ phải trả)	3,12	6,39	-3,27
2	Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (= Tổng Tài sản nợ ngắn hạn / Tổng nợ ngắn hạn)	3,06	6,25	-3,19
3	Hệ số khả năng thanh toán nhanh (= Tiền và các khoản tương đương tiền / Tổng Nợ ngắn hạn)	1,47	2,05	-0,59

Nhận xét:

Từ bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn (Biểu 3.2) ta thấy tốc độ nợ phải trả tăng nên các chỉ tiêu về khả năng thanh toán tổng quát, thanh toán nợ ngắn hạn hay thanh toán nhanh đều được cải thiện cao, cụ thể như Biểu 3.3:

- Hệ số thanh toán tổng quát cuối năm là 3,12 nhỏ hơn so với đầu năm có hệ số thanh toán là 6,39. Ở cả đầu năm và cuối năm đều lớn hơn 1 chứng tỏ công ty có khả năng thanh toán nhưng còn chậm.

- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn cuối năm là 3,06 so với đầu năm có hệ số thanh toán là 6,25 là nhỏ hơn 3,19. Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn đều lớn hơn 1 cho biết mối quan hệ giữa tài sản ngắn hạn và tổng nợ ngắn hạn thể hiện mức độ đảm bảo của tài sản ngắn hạn và tổng nợ ngắn hạn. Hệ số lớn hơn 1 cho thấy công ty có khả năng thanh toán nợ ngắn hạn đến hạn trả.

- Hệ số thanh toán nhanh đánh giá khả năng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn đến hạn của doanh nghiệp. Hệ số đầu năm bằng 2,05; cuối năm giảm còn 1,47 là 0,59. Hệ số này là hợp lý. Công ty cần phát huy.

3.4.3: Ý kiến đề xuất thứ ba: Công ty nên đẩy mạnh công tác thu hồi nợ phải thu khách hàng

Từ phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản ở ý kiến đề xuất thứ hai, cho thấy chỉ tiêu “Các khoản phải thu ngắn hạn” có giá trị **2.109.000.000** đồng chiếm tỷ trọng **49,69%** trong tổng tài sản vẫn còn chiếm tỷ trọng cao. Công ty Cổ phần ISEA đã để cho khách hàng chiếm dụng gần một nửa tổng tài sản của mình. Như vậy công tác thu hồi nợ đọng của công ty chưa tốt. Do khách hàng thường xuyên thanh toán chậm, nếu không thu hồi sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, làm ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đồng vốn.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty cũng phải đi vay nợ và chịu một mức lãi suất. Và không phải lúc nào công ty cũng có thể huy động được vốn. Nên cần đẩy mạnh công tác thu hồi nợ để công ty dùng khoản này vào đầu tư, kinh doanh cũng như nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Trước tình trạng nợ phải thu kéo dài, công ty nên áp dụng những biện pháp thích hợp thu hồi nợ phải thu của khách hàng triệt để, hiệu quả, như:

- Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán khi khách hàng

thanh toán sớm trước thời hạn các khoản nợ để khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh hơn. Mức chiết khấu mà doanh nghiệp cho khách hàng hưởng khi thanh toán sớm có thể nhận được bằng tiền hoặc hiện vật. Tỷ lệ chiết khấu có lợi cho khách hàng để thúc đẩy khách hàng trả nợ.

- Công ty nên thực hiện thu tiền ngay với những khách hàng có đơn hàng nhỏ, áp dụng thời hạn nợ cho những khách hàng này ngắn. Và với các khoản nợ của những đơn hàng lớn, công ty nên tập trung chủ yếu thu các khoản nợ này. Muốn vậy công ty nên có những biện pháp như:

- Rà soát lại các khoản phải thu của khách hàng và sắp xếp “tuổi” của từng khoản nợ phải thu của từng khách hàng. Xem xét khoản nợ nào có thể thu được trước thì thu trước.

- Xem xét điều khoản về thanh toán, xác định những khoản nợ nào của khách hàng nào được tính lãi do chậm trả hay số lãi chậm trả cụ thể của khách hàng là bao nhiêu.

- Kế toán tổng hợp khách hàng còn nợ đọng, xây dựng kế hoạch thu hồi nợ và phân công nhân viên chuyên trách thu hồi công nợ đúng hạn. Nhiệm vụ của nhân viên này là đốc thúc những khách hàng có khoản nợ đến hạn trả, với khách hàng có những khoản nợ quá hạn cần thương lượng đàm phán với khách hàng để đưa ra hướng giải quyết khoản nợ, còn nếu không đàm phán hay thương lượng được thì cần dùng đến pháp lý để tiến hành thu hồi nợ.

- Cùng đó thiết lập các chính sách khen thưởng, kỉ luật cho bộ phận hay cá nhân có thành tích tốt cũng như không hoàn thành nhiệm vụ trong công tác thu hồi nợ.

KẾT LUẬN

Với đề tài “*Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA*” đã giải quyết được một số vấn đề như sau:

- *Về mặt lý luận:* Đề tài đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán theo QĐ48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 138/2011/TT-BTC ban hành ngày 04/10/2011 của Bộ Tài chính.

- *Về mặt thực tiễn:*

- ✓ Đề tài đã phản ánh đúng thực tế công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA.
- ✓ Đã đánh giá những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty nói riêng.
- ✓ Đã đề xuất được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần ISEA.

Do còn hạn chế về trình độ lý luận và thực tiễn nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý, bổ sung của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2016

Sinh viên thực hiện

Trần Thị Mai Hương

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] TS. Phan Đức Dũng. 2009 *Kế toán tài chính*. NXB: Thống kê.
- [2] Nguyễn Thị Mỹ và TS. Phan Đức Dũng. 2009. *Phân tích hoạt động kinh doanh - lý thuyết, bài tập và bài giải*. NXB Thống kê.
- [3] PGS.TS.Vũ Văn Nhị 2010. *Hướng dẫn lập, đọc và phân tích báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị*. NXB Tài chính.
- [4] *Chế độ kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ*. 2011. NXB: Tài chính
- [5] Trang web: thuvienphapluat.vn
- [6] Tài liệu sổ sách, Báo cáo tài chính được cung cấp bởi công ty Cổ phần ISEA.
- [7] Đề tài “*Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH Máy tính Việt Nhật*” của sinh viên Lương Việt Liên K15.